

PHỤ LỤC 1
TIẾP THU, GIẢI TRÌNH Ý KIẾN GÓP Ý CỦA HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH QUY HOẠCH TỈNH
TẠI BÁO CÁO SỐ 8654/BC-HĐTĐ NGÀY 18/10/2023

Stt	Nội dung thẩm định	Tiếp thu/giải trình
<i>I</i> <i>Sự phù hợp với Nhiệm vụ lập quy hoạch đã được phê duyệt</i>		
1	Đề nghị chuẩn xác lại diện tích tự nhiên của tỉnh và phạm vi vùng biển ven bờ theo quy định của pháp luật	Tiếp thu, bổ sung và thống nhất diện tích tự nhiên trên đất liền của tỉnh theo Quyết định số 387/QĐ-BTNMT ngày 02/3/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường là 4.947,11 km ² và phạm vi vùng biển ven bờ theo quy định của pháp luật.
2	Đề nghị bổ sung và làm rõ thêm một số nội dung theo quy định tại Điều 27 Luật Quy hoạch và Điều 28 Nghị định 37/2019/NĐ-CP ngày 07/5/2019 của Chính phủ.	Tiếp thu và đã bổ sung chỉnh sửa các nội dung tại Phần II của Báo cáo tổng hợp đảm bảo theo quy định tại Điều 27 Luật Quy hoạch và Điều 28 Nghị định 37/2019/NĐ-CP ngày 07/5/2019 của Chính phủ.
3	Sự phù hợp của số lượng và yêu cầu về nội dung đề xuất được thực hiện so với nhiệm vụ lập quy hoạch được phê duyệt: tại Quyết định số 646/QĐ-TTg ngày 15/5/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Nhiệm vụ lập Quy hoạch tỉnh Thừa Thiên Huế thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050	Căn cứ theo nhu cầu thực tế và tính đặc thù của địa phương, tỉnh đã xây dựng 42 nội dung đề xuất theo ngành, lĩnh vực, lãnh thổ được thực hiện để đảm bảo đầy đủ các nội dung phù hợp với nhiệm vụ lập quy hoạch được phê duyệt.
<i>II</i> <i>Thẩm định việc tuân thủ quy trình lập quy hoạch tỉnh quy định tại khoản 4 Điều 16, Điều 18, Điều 19 Luật Quy hoạch và nội dung Điều 32 Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ</i>		
1	Đề nghị bổ sung một số nội dung trong quy trình lập quy hoạch tỉnh theo quy định của Luật Quy hoạch, gồm: (i) Việc triển khai, phối hợp giữa các cơ quan liên quan trong việc đề xuất nội dung đưa vào quy hoạch; (ii) Việc xem xét, xử lý các vấn đề liên ngành, liên huyện; (iii) Việc tổ chức lập báo cáo đánh giá môi trường chiến lược đồng thời với quá trình lập Quy hoạch tỉnh Thừa Thiên Huế thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.	Tiếp thu, bổ sung và làm rõ tại mục IV (Đánh giá kết quả thực hiện quy trình lập quy hoạch) Phần I (Mở đầu) của Báo cáo tổng hợp, cụ thể: Quy trình lập Quy hoạch tỉnh đảm bảo tích hợp theo chiều dọc, từ trên xuống - từ dưới lên với quy hoạch tổng thể quốc gia, các quy hoạch ngành quốc gia; theo chiều ngang với quy hoạch vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải Trung bộ và các tỉnh trong vùng nhằm đảm bảo tính đồng bộ, xuyên suốt, thống nhất trong các định hướng phát triển và

Stt	Nội dung thẩm định	Tiếp thu/giải trình
		<p>huy động, khai thác hiệu quả tối đa các nguồn lực cho đầu tư phát triển. Đồng thời tổ chức triển khai lập 42 nội dung đề xuất, tích hợp vào Quy hoạch tỉnh. Các nội dung đề xuất thuộc ngành, lĩnh vực, lãnh thổ phụ trách đưa vào Quy hoạch tỉnh đã được rà soát, lấy ý kiến của các Sở, ban ngành, địa phương trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế được Cơ quan lập quy hoạch tổng hợp, hoàn thiện, đưa vào Báo cáo thuyết minh Quy hoạch tỉnh Thừa Thiên Huế thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 theo hướng cân đối tổng thể, hài hòa, hiệu quả, bền vững, giải quyết triệt để các mâu thuẫn, chồng chéo, đảm bảo yêu cầu tích hợp quy hoạch theo quy định tại Khoản 10 Điều 3 Luật Quy hoạch. Việc tổ chức lập báo cáo kết quả đánh giá môi trường chiến lược đồng thời với quá trình lập Quy hoạch tỉnh Thừa Thiên Huế thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.</p>
III	<i>Việc tích hợp các nội dung quy hoạch do các cơ quan, tổ chức được phân công thực hiện</i>	
1	<p>Đề nghị cơ quan lập quy hoạch tỉnh: (i) Rà soát nội dung nghiên cứu để tích hợp vào quy hoạch tỉnh đảm bảo tính thống nhất; chịu trách nhiệm về tính chính xác của các số liệu, dữ liệu được sử dụng trong báo cáo quy hoạch; (ii) Đề nghị rà soát, cập nhật các nội dung các quy hoạch cấp quốc gia thời kỳ 2021-2030 đã được cấp có thẩm quyền quyết định hoặc phê duyệt, đang được hoàn thiện để hoàn thiện phương án phát triển trong quy hoạch tỉnh, đảm bảo tính đồng bộ và thống nhất giữa các loại quy hoạch theo Nghị quyết số 61/2022/QH15 ngày 16/6/2022 của Quốc hội.</p>	<p>Các nội dung đề xuất tích hợp vào quy hoạch tỉnh đảm bảo tính thống nhất; chịu trách nhiệm về tính chính xác của các số liệu, dữ liệu được sử dụng trong báo cáo quy hoạch và đã rà soát, cập nhật các nội dung các quy hoạch cấp quốc gia thời kỳ 2021-2030 đã được phê duyệt, đang được hoàn thiện để hoàn thiện phương án phát triển trong quy hoạch tỉnh, đảm bảo tính đồng bộ và thống nhất giữa các loại quy hoạch theo Nghị quyết số 61/2022/QH15 ngày 16/6/2022 của Quốc hội.</p>
IV	<i>Sự phù hợp của quy hoạch tỉnh với quy định tại Mục 2 Chương II Luật Quy hoạch</i>	
1	<i>Về căn cứ lập quy hoạch, kết cấu và nội dung báo cáo</i>	

Stt	Nội dung thẩm định	Tiếp thu/giải trình
1.1	Về căn cứ lập quy hoạch: Đề nghị rà soát, bổ sung thêm một số Nghị quyết của Trung ương, Bộ Chính trị, văn bản quy phạm pháp luật, Nghị quyết của Quốc hội, Quyết định của Thủ tướng Chính phủ có liên quan theo ý kiến thẩm định của các thành viên Hội đồng thẩm định; đồng thời rà soát để lược bỏ các văn bản bị trùng lặp hoặc đã hết hiệu lực.	Tiếp thu, bổ sung tại mục II, Phần I (Mở đầu) của Báo cáo Tổng hợp.
1.2	<p>Về kết cấu và nội dung báo cáo: đề nghị rà soát, điều chỉnh kết cấu báo cáo quy hoạch tỉnh trên cơ sở bám sát nội dung quy định tại Điều 27 của Luật Quy hoạch và Điều 28 của Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07/5/2019 của Chính phủ; chính xác lại tên các mục, tiêu mục theo quy định của pháp luật về quy hoạch;</p> <p>- Đồng thời bổ sung một số nội dung:</p> <p>(i) Đánh giá về thực trạng lao động, việc làm;</p> <p>(ii) Đánh giá về khả năng huy động nguồn lực để thực hiện quy hoạch;</p> <p>(iii) Đánh giá về thực trạng phát triển và sự phù hợp về phân bố phát triển không gian của các khu chức năng theo quy định tại Điều 28 Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07/5/2019 của Chính phủ.</p>	<p>- Về kết cấu Báo cáo quy hoạch tỉnh: Tiếp thu, rà soát và điều chỉnh theo ý kiến góp ý trên cơ sở bám sát nội dung quy định tại Điều 27 của Luật Quy hoạch và Điều 28 của Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07/5/2019 của Chính phủ; chính xác lại tên các mục, tiêu mục theo quy định của pháp luật về quy hoạch.</p> <p>- Về nội dung: Tiếp thu, bổ sung tại Chương 2 của Báo cáo tổng hợp, cụ thể:</p> <p>(i) Đánh giá về thực trạng lao động, việc làm: tại tiêu mục 1.3.1 thuộc 1.3 (Thực trạng phát triển các ngành thuộc lĩnh vực văn hoá xã hội, quốc phòng và an ninh), mục I.</p> <p>(ii) Đánh giá về khả năng huy động nguồn lực để thực hiện quy hoạch: tại tiêu mục 1.4.1 thuộc 1.4 (Khả năng huy động nguồn lực), mục I.</p> <p>(iii) Đánh giá về thực trạng phát triển và sự phù hợp về phân bố phát triển không gian của các khu chức năng theo quy định tại Điều 28 Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07/5/2019 của Chính phủ: tại tiêu mục 3.3.9 thuộc 3.3 (Hiện trạng các khu chức năng), mục III.</p>
2	<i>Về phân tích, đánh giá, dự báo các yếu tố, điều kiện phát triển đặc thù của tỉnh, đề nghị bổ sung, làm rõ một số nội dung như sau:</i>	
2.1	Xác định rõ lợi thế, các yếu tố mang tính đặc thù của tỉnh; tác động thúc đẩy/cản trở của các yếu tố, điều kiện tự nhiên đối với sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; làm rõ đặc điểm và tính tính độc đáo của hệ thống thủy văn, dòng chảy trên địa bàn tỉnh; bổ sung nội dung phân tích, đánh giá về tài nguyên nước, kết quả thực hiện các hoạt động bảo vệ tài nguyên nước; đánh giá tổng quát hiệu quả, tác động các biện pháp phòng, chống, khắc phục hậu	Tiếp thu, bổ sung tại mục I (Các yếu tố, điều kiện tự nhiên, tài nguyên và môi trường), Chương I của Báo cáo tổng hợp.

Stt	Nội dung thẩm định	Tiếp thu/giải trình
	quả do nước gây ra.	
2.2	Bổ sung nội dung phân tích về hiện trạng thăm dò, khai thác tài nguyên khoáng sản trên địa bàn tỉnh để làm cơ sở xây dựng phương án khoanh định khu vực mỏ, loại tài nguyên khoáng sản cần thăm dò, khai thác trong thời kỳ quy hoạch; bổ sung các số liệu cho các nội dung đánh giá về môi trường để tăng tính thuyết phục cho các nhận định, đánh giá.	Tiếp thu, bổ sung tại tiêu mục 6.2 (Thực trạng bảo vệ, khai thác, sử dụng tài nguyên), mục IV, Chương 2 của Báo cáo tổng hợp.
2.3	Làm rõ những lợi thế đặc biệt của Huế về yếu tố lịch sử - văn hóa, mối liên hệ giữa truyền thống văn hóa với phát triển du lịch của tỉnh	Tiếp thu, bổ sung tại tiêu mục 7.1.1 (Điểm mạnh), mục VII, Chương 2 của Báo cáo tổng hợp.
2.4	Rà soát, bổ sung nội dung về hiện trạng thể hiện vị trí, vai trò của tỉnh đối với vùng và cả nước; bổ sung nội dung về tính “cát cứ”, “cục bộ” của các địa phương trong vùng dẫn đến tính liên kết, hiệu quả liên kết phát triển của các địa phương trong vùng còn hạn chế	Tiếp thu, bổ sung tại tiêu mục 3.1.2 (Vai trò), mục III, Phần I (Mở đầu) của Báo cáo tổng hợp.
2.5	Bổ sung đánh giá về khả năng chống chịu trước thiên tai của từng ngành trong hoạt động phát triển kinh tế - xã hội, đặc biệt là cơ sở hạ tầng phòng, chống thiên tai, giao thông, khu đô thị, khu dân cư, khu công nghiệp; phân tích, đánh giá tác động của phát triển kinh tế - xã hội thời gian qua làm tăng nguy cơ rủi ro thiên tai trên địa bàn, nhất là các lĩnh vực phát triển đô thị, nông thôn, giao thông, các khu vực sản xuất, chế biến nông sản, khu công nghiệp.	Tiếp thu, bổ sung từ tiêu mục 4.1 đến tiêu mục 4.5, mục IV (Các nguy cơ và tác động thiên tai, BĐKH đến KTXH tỉnh), Chương 1 của Báo cáo tổng hợp.
3	<i>Về thực trạng phát triển kinh tế - xã hội, thực trạng phát triển các ngành</i>	
3.1	Về thực trạng phát triển kinh tế:	
	Phân tích, làm rõ nguyên nhân dẫn đến năng suất lao động của tỉnh thấp hơn rất nhiều so với mức bình quân của cả nước, đặc biệt là năng suất lao động của ngành dịch vụ; bổ sung nội dung phân tích về “công nghiệp ven biển” để phù hợp với các ngành kinh tế biển được xác định tại Nghị quyết số 36-NQ/TW ngày 22/10/2018 của Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XII.	Tiếp thu, bổ sung tại tiêu mục 1.1.2 (Năng suất lao động) và tiêu mục 1.2.2.5 thuộc 1.2.2 (Phát triển kinh tế biển), mục I, Chương 2 của Báo cáo tổng hợp.
	Phân tích cụ thể về hiện trạng tình hình quản lý, khai thác, sử dụng khoáng sản trên địa bàn tỉnh, tình hình cấp phép thăm dò, khai thác so với nhu cầu hiện tại và tương lai có đáp ứng được nhu cầu về vật liệu xây dựng cho các dự án trên địa bàn tỉnh	Tiếp thu, bổ sung tại tiêu mục 6.2 (Thực trạng bảo vệ, khai thác, sử dụng tài nguyên), mục IV, Chương 2 của Báo cáo tổng hợp.
3.2	Về hiện trạng phát triển công nghiệp - xây dựng	
	Đánh giá bổ sung hiệu quả đầu tư hạ tầng kỹ thuật, hiệu quả kinh tế - xã hội của các khu kinh tế, khu công nghiệp trên địa bàn; kết quả đạt được, hạn chế và nguyên nhân trong đầu tư, phát triển các khu kinh tế, khu công nghiệp trong thời gian qua; khả năng kết nối với hệ thống giao thông, logistic và các hệ thống hạ tầng kỹ thuật khác tại các khu kinh tế, khu công nghiệp; rà soát các khu công nghiệp đã có trong quy hoạch để xem xét đưa ra khỏi	Tiếp thu, bổ sung tại tiêu mục 3.3.1 (Khu kinh tế) và 3.3.2 (Khu công nghiệp) thuộc 3.3 (Hiện trạng phát triển các khu chức năng), mục III, Chương 2 của Báo cáo tổng hợp.

Stt	Nội dung thẩm định	Tiếp thu/giải trình
	quy hoạch hoặc giảm diện tích những khu công nghiệp không có khả năng thu hút đầu tư để nâng cao hiệu quả sử dụng đất	
3.3	Về hiện trạng phát triển các ngành thương mại, dịch vụ: cập nhật số liệu chợ, siêu thị, trung tâm thương mại các năm: 2020, 2021 và 2022; Bổ sung nội dung về thực trạng hoạt động xúc tiến thương mại, thương mại điện tử; bổ sung hiện trạng công tác xúc tiến - quảng bá du lịch, ứng dụng công nghệ thông tin trong phát triển du lịch	Thống nhất số liệu theo kỳ quy hoạch giai đoạn đến năm 2020. Tiếp thu, bổ sung tại tiểu mục 1.2.5.3.4 (Xúc tiến thương mại, thương mại điện tử) và tiểu mục 1.2.5.2.6 (Xúc tiến du lịch) thuộc 1.2.5 (Ngành dịch vụ), mục I, Chương 2 của Báo cáo tổng hợp.
3.4	Về hiện trạng phát triển nông, lâm, thủy sản: bổ sung công tác quản lý dịch bệnh, vệ sinh an toàn thực phẩm, truy xuất nguồn gốc cơ sở giết mổ, sơ chế, vận chuyển và tiêu thụ sản phẩm; thuận lợi, khó khăn trong phát triển chăn nuôi để có định hướng phát triển phù hợp	Tiếp thu, bổ sung tại tiểu mục 1.2.1.1 (Nông nghiệp) thuộc 1.2.1 (Nông lâm thủy sản), mục I, Chương 2 của Báo cáo tổng hợp.
3.5	Về hiện trạng phát triển các lĩnh vực xã hội	
	Bổ sung thông tin, số liệu dẫn chứng cho thực trạng phát triển giáo dục và đào tạo; rà soát bổ sung đánh giá về những ưu điểm, khó khăn, hạn chế và nguyên nhân hạn chế đối với lĩnh vực giáo dục và đào tạo của tỉnh	Tiếp thu, bổ sung tại tiểu mục 1.3.3 (giáo dục và đào tạo), mục I, Chương 2 của Báo cáo tổng hợp.
	Bổ sung phân tích về khả năng tiếp cận của người dân trong tỉnh và các tỉnh lân cận đối với các dịch vụ y tế cơ bản và chuyên sâu theo không gian và thời gian; phân tích rõ về tính kết nối giữa tuyến Trung ương và địa phương trong cung ứng dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh cho người dân trong tỉnh và các tỉnh trong vùng; bổ sung phân tích, dự báo về quy mô giường bệnh, nhu cầu về số lượng nhân lực y tế; bổ sung thực trạng và định hướng phát triển y tế ngoài công lập.	Tiếp thu, bổ sung tại tiểu mục 1.3.2.2 (Thực trạng phát triển các lĩnh vực y tế), mục I, Chương 2 của Báo cáo tổng hợp.
	Bổ sung đánh giá về công tác chuyển đổi số trong các ngành, lĩnh vực và thực trạng phát triển hạ tầng khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trên địa bàn tỉnh; bổ sung nội dung đánh giá về nguyên nhân dẫn đến các khó khăn, tồn tại trong lĩnh vực khoa học và công nghệ; đánh giá bổ sung thực trạng hạ tầng khoa học và công nghệ theo Nghị quyết số 54-NQ/TW ngày 10/12/2019 của Bộ Chính trị và Nghị quyết số 83/NQ-CP ngày 27/5/2020 của Chính phủ.	Tiếp thu, bổ sung tại tiểu mục 1.3.4.6 (Hoạt động chuyển đổi số) và tiểu mục 1.3.4.8 (Đầu tư tài chính cho hoạt động KH&CN), mục I, Chương 2 của Báo cáo tổng hợp.
	Tổng hợp đầy đủ hiện trạng của mọi lĩnh vực thuộc lĩnh vực thông tin và truyền thông; bổ sung hiện trạng phát triển mạng lưới cơ sở báo chí, xuất bản, in và phát hành, phát thanh, truyền hình, thông tin cơ sở, thông tin điện tử, thông tin đối ngoại trên địa bàn tỉnh; rà soát và bổ sung nội dung hiện trạng của hạ tầng bưu chính, bổ sung chỉ tiêu về bán kính phục vụ, số dân phục vụ, tỷ lệ điểm phục vụ có kết nối Internet; bổ sung hiện trạng triển khai địa	Tiếp thu, bổ sung tại tiểu mục 4.3.5 (Hiện trạng công nghiệp công nghệ thông tin, công nghệ số), tiểu mục 4.3.6 (Hiện trạng thông tin – báo chí – xuất bản) thuộc 4.3 (Thực trạng phát triển mạng

Stt	Nội dung thẩm định	Tiếp thu/giải trình
	chỉ số, bản đồ số bưu chính trên địa bàn tỉnh.	lưới viễn thông), mục IV, Chương 2 của Báo cáo tổng hợp.
4	<i>Về hiện trạng sử dụng đất:</i> Rà soát, cập nhật số liệu về hiện trạng đất an ninh; bổ sung ưu điểm, tồn tại và nguyên nhân của các tồn tại trong quá trình lập và thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất kỳ trước; bổ sung nội dung đánh giá tiềm năng đất đai cho phát triển đô thị.	Tiếp thu, bổ sung tại tiêu mục 2.2.1 (Hiện trạng sử dụng đất), mục II, Chương 2 của Báo cáo tổng hợp.
5	<i>Về hiện trạng bảo vệ môi trường</i> Bổ sung các nội dung luận giải về các tồn tại, hạn chế và các vấn đề cần giải quyết trong lĩnh vực bảo vệ môi trường	Tiếp thu, bổ sung tại tiêu mục 6.1.1 (Bảo vệ môi trường), mục IV, Chương 2 của Báo cáo tổng hợp.
6	<i>Về hiện trạng hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội</i>	
6.1	Về hiện trạng phát triển hạ tầng kỹ thuật	
	Xác định rõ những hạn chế, điểm nghẽn trong phát triển, tổ chức không gian hạ tầng kỹ thuật dẫn tới chưa khai thác hết tiềm năng, lợi thế của tỉnh	Tiếp thu, bổ sung tại Chương 2 của Báo cáo tổng hợp, cụ thể: - Tiêu mục 1.4.6 (Các điểm nghẽn về huy động nguồn lực), mục I (Thực trạng phát triển KTXH). - Tiêu mục 7.2 (Xác định các tồn tại, hạn chế và vấn đề cần giải quyết), mục VII (Đánh giá chung).
	Bổ sung quy mô hiện trạng các tuyến đường tỉnh lộ; bổ sung đánh giá hiện trạng bãi đỗ xe, trạm dừng nghỉ; đánh giá tình trạng hoạt động các cảng bến hành khách, hàng hóa và khối lượng vận tải hàng hóa, hành khách; cập nhật hiện trạng hạ tầng cảng biển Thừa Thiên Huế; thống nhất tên gọi "tuyến đường sắt Hà Nội -Thành phố Hồ Chí Minh"; thống nhất chung tên gọi "Cảng hàng không quốc tế Phú Bài"; rà soát nội dung đánh giá về Quốc lộ 1 đoạn qua tỉnh Thừa Thiên Huế.	Tiếp thu, bổ sung tại tiêu mục 4.1.1 (Đường bộ), 4.1.2 (Đường thủy nội địa), 4.1.3 (Đường sắt), 4.1.4 (Đường biển) và 4.1.5 (Hàng không), mục IV, Chương 2 của Báo cáo tổng hợp.
	Bổ sung các sơ đồ 1 sợi, bản đồ hiện trạng chi tiết kèm theo tọa độ chính xác về nguồn điện khu vực kết nối vào hệ thống điện quốc gia, số liệu thống kê và dự báo phụ tải theo các loại hình; bổ sung bảng cân đối nguồn tải từng phân vùng phụ tải, phân tích làm rõ sự cần thiết quy hoạch xây dựng mới hoặc nâng công suất các trạm biến áp 110 kV; bổ sung hiện trạng phát triển hệ thống điện mặt trời mái nhà; rà soát, bổ sung tốc độ tăng trưởng điện thương phẩm trên địa bàn tỉnh.	Tiếp thu, bổ sung tại tiêu mục 4.2.1(Nguồn điện); 4.2.2 (Mạng lưới cấp điện); 4.2.3 (Đánh giá về phát triển điện), mục IV, Chương 2 của Báo cáo tổng hợp.
6.2	Về hiện trạng hệ thống kết cấu hạ tầng xã hội	

Stt	Nội dung thẩm định	Tiếp thu/giải trình
	Rà soát, cập nhật và bổ sung thông tin về các khu xử lý chất thải hiện hữu về quy mô, công suất, đối tượng phục vụ, công nghệ áp dụng; bổ sung đánh giá công tác quản lý chất thải nguy hại, chất thải y tế trên toàn tỉnh	Tiếp thu, bổ sung tại tiểu mục 4.7.1.2 (Khu xử lý chất thải), thuộc 4.7 (Thực trạng khu xử lý chất thải, mục IV, Chương 2 của Báo cáo tổng hợp
	Bổ sung hiện trạng đầu tư phát triển hệ thống các cơ sở dịch vụ du lịch như ăn uống, vui chơi giải trí, mua sắm	Tiếp thu, bổ sung tại tiểu mục 5.6.1 (Mạng lưới cơ sở du lịch), mục V, Chương 2 của Báo cáo tổng hợp.
	Bổ sung thông tin, đánh giá về thực trạng mạng lưới, hạ tầng cơ sở giáo dục dân tộc, giáo dục thường xuyên và giáo dục chuyên biệt dành cho trẻ khuyết tật; chuyên nội dung liên quan đến các trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên vào nội dung đánh giá thực trạng phát triển mạng lưới, hạ tầng giáo dục thường xuyên; bổ sung thông tin, đánh giá kết quả thực hiện định hướng phát triển hạ tầng giáo dục và đào tạo đã xác định tại Quyết định số 649/QĐ-TTg ngày 06/5/2014 của Thủ tướng Chính phủ	Tiếp thu, bổ sung tại tiểu mục 5.2.1.5 (Giáo dục dân tộc); 5.2.1.6 (Giáo dục thường xuyên); 5.2.1.7 (Giáo dục chuyên biệt dành cho trẻ khuyết tật), thuộc 5.2.1 (mạng lưới cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông), mục V, Chương 2 của Báo cáo tổng hợp.
	Bổ sung hiện trạng phát triển nền tảng số; chuyên nội dung về thông tin trên biển sang mục công trình viễn thông quan trọng liên quan đến an ninh quốc gia; rà soát, chính xác lại thông tin về hệ thống trạm phát sóng thông tin di động; bổ sung hiện trạng cung cấp dịch vụ công trực tuyến phục vụ người dân và doanh nghiệp, hiện trạng và các chỉ tiêu cụ thể về hạ tầng thiết bị hiện có của trung tâm tích hợp dữ liệu, các hệ thống đường truyền đang được triển khai, hiện trạng chuyển đổi IPv4 sang IPv6 trong cơ quan nhà nước, kết nối phục vụ chính quyền điện tử hướng tới chính quyền số, hiện trạng triển khai xây dựng đô thị thông minh; ứng dụng công nghệ thông tin trong ngành, lĩnh vực trọng điểm, hiện trạng triển khai kinh tế số, xã hội số, nhân lực số, hạ tầng công nghệ thông tin, hiện trạng an toàn thông tin mạng, hiện trạng công nghiệp công nghệ thông tin, công nghệ số	Tiếp thu, bổ sung từ tiểu mục 4.3.1 (Buru chính); 4.3.2 (Viễn thông gồm Hạ tầng và nền tảng số; Công trình viễn thông quan trọng liên quan đến an ninh; Hạ tầng mạng cố định; Mạng truyền dẫn liên tỉnh và nội tỉnh); 4.3.3 (Hạ tầng viễn thông thụ động); 4.3.4 (Hạ tầng công nghệ thông tin và ứng dụng công nghệ thông tin); 4.3.5 (Hiện trạng công nghiệp CNTT, CN số); 4.3.6 (Hiện trạng thông tin-báo chí- xuất bản); 4.3.7 (Liên kết hạ tầng thông tin và truyền thông), mục V, Chương 2 của Báo cáo tổng hợp.
6.3	Hiện trạng hạ tầng phòng chống thiên tai: bổ sung số liệu về tình hình thiệt hại của thiên tai, biến đổi khí hậu trên địa bàn trong thời kỳ trước, các loại hình thiên tai thường xuất hiện trên địa bàn tỉnh; hiện trạng phương án phòng, chống thiên tai mà tỉnh đang triển khai; bổ sung các nguy cơ và tác động thiên tai, biến đổi khí hậu đến kinh tế xã hội tỉnh.	Tiếp thu, bổ sung tại tiểu mục 6.4.1 (Phòng chống thiên tai), mục VI, Chương 2 của Báo cáo tổng hợp.
7	<i>Về điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội và thách thức</i>	
	Đề nghị rà soát, bổ sung một số điểm mạnh, hạn chế trong phát triển kinh tế - xã hội, du lịch, phát triển đô thị của tỉnh; khái quát và phân tích theo cặp vấn đề để nhận diện những vấn đề cốt lõi đang đặt ra cho sự phát triển của Thừa Thiên Huế hiện nay.	Tiếp thu, bổ sung tại tiểu mục 7.1 (Phân tích điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội và thách thức); 7.2 (Xác định các tồn tại, hạn chế và vấn đề cần giải quyết), mục VII, Chương 2 của Báo cáo tổng hợp.

Stt	Nội dung thẩm định	Tiếp thu/giải trình
8	<i>Về quan điểm, mục tiêu và lựa chọn phương án phát triển</i>	
8.1	Về quan điểm phát triển: xem xét bổ sung quan điểm về việc tổ chức không gian phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh phải trên nền tảng bảo tồn, phát huy giá trị di sản cổ đô và bản sắc văn hóa Huế để phù hợp với Nghị quyết số 54-NQ/TW ngày 10/12/2019 của Bộ Chính trị; bổ sung các quan điểm về phát triển hạ tầng của tỉnh	Tiếp thu, bổ sung tại tiểu mục 1.1 (Quan điểm chung), mục I, Chương 3 của Báo cáo tổng hợp.
8.2	Về kịch bản phát triển: xem xét bổ sung kịch bản và lựa chọn phương án phát triển theo hướng thích ứng với biến đổi khí hậu	Tiếp thu, chỉnh sửa tại tiểu mục 2.3.3 (Định hướng quy hoạch, xây dựng, quản lý và phát triển bền vững thành phố Thừa Thiên Huế theo mô hình đô thị thông minh, phát triển gắn kết với giao thông công cộng, hướng biển, sinh thái, thích ứng với BĐKH), mục II, Chương 6 của Báo cáo tổng hợp.
8.3	Về mục tiêu phát triển: Bổ sung một số chỉ tiêu như: chỉ tiêu phát triển liên quan đến kinh tế tuần hoàn, kinh tế xanh, kinh tế ban đêm, kinh tế đô thị (để phù hợp với quan điểm phát triển); tốc độ tăng trưởng dân số bình quân; chỉ số HDI; tuổi thọ bình quân; tỷ lệ số xã đạt chuẩn nông thôn mới; tỷ lệ số xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao; về văn hóa, thể dục thể thao; tỷ lệ chất thải được thu gom, xử lý theo tiêu chuẩn, quy chuẩn; tỷ lệ đô thị hóa; tỷ lệ đất giao thông trên đất xây dựng đô thị; diện tích sàn nhà ở bình quân đầu người tại khu vực đô thị; diện tích cây xanh bình quân trên mỗi người dân đô thị; mục tiêu liên quan đến giáo dục; mục tiêu về phát triển hạ tầng	Tiếp thu, bổ sung tại mục IV (Chỉ tiêu phát triển) và cụ thể hóa theo ngành lĩnh vực tại mục II (Phương hướng phát triển ngành, lĩnh vực quan trọng), Chương 4 của Báo cáo tổng hợp.
8.4	Về tầm nhìn đến năm 2050: bổ sung một số chỉ tiêu khái quát đến năm 2050 như: tốc độ tăng trưởng GRDP 2031-2050; GRDP bình quân đầu người, chỉ tiêu tỷ lệ đô thị hóa; chỉ số phát triển con người.	Tiếp thu, bổ sung tại tiểu mục 4.1 (Về kinh tế), mục IV, Chương 3 của Báo cáo tổng hợp.
9	<i>Về nhiệm vụ trọng tâm và các khâu đột phá</i>	
9.1	Xem xét biên tập lại nhiệm vụ “ <i>Xây dựng Thừa Thiên Huế thành thành phố trực thuộc Trung ương</i> ” và “ <i>Đẩy mạnh công tác quy hoạch và thực hiện quy hoạch</i> ” để thể hiện rõ nét đây là các nhiệm vụ trọng tâm cần thực hiện trong thời kỳ quy hoạch; nghiên cứu bổ sung các nhiệm vụ trọng tâm đối với lĩnh vực giáo dục và đào tạo	Tiếp thu, chỉnh sửa tại tiểu mục 5.1 (Nhiệm vụ trọng tâm), mục V, Chương 3 của Báo cáo tổng hợp.
9.2	Xác định rõ nội dung về huy động nguồn lực và phát triển nguồn nhân lực là nhiệm vụ trọng tâm hay là các khâu đột phá phát triển.	Tiếp thu, bổ sung tại tiểu mục 5.2 (Các khâu đột phá), mục V, Chương 3 của Báo cáo tổng hợp.
10	<i>Về phương hướng phát triển các ngành quan trọng trên địa bàn tỉnh; lựa chọn phương án tổ chức hoạt động kinh tế - xã hội</i>	

Stt	Nội dung thẩm định	Tiếp thu/giải trình
10.1	<p>Đề nghị rà soát, bổ sung nội dung phương án phát triển các ngành quan trọng theo quy định tại khoản 4 Điều 28 Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07/5/2019 của Chính phủ. Bổ sung luận chứng để xác định một số ngành, lĩnh vực quan trọng, có ý nghĩa tạo đột phá cho phát triển kinh tế - xã hội tỉnh; rà soát để bảo đảm có sự thống nhất về việc xác định các ngành quan trọng trên địa bàn tỉnh; bổ sung các nội dung về phát triển kinh tế ban đêm, công nghiệp văn hoá để phù hợp với quan điểm phát triển</p>	<p>Tiếp thu, bổ sung tại mục I (Luận chứng xác định các ngành quan trọng), mục I, Chương 4 của Báo cáo tổng hợp.</p>
10.2	<p>Về phương án phát triển ngành nông, lâm nghiệp, thủy sản</p> <p>Bổ sung định hướng phát triển vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao trên địa bàn tỉnh để phù hợp với quan điểm phát triển; rà soát để loại bỏ định hướng cụ thể về diện tích, sản lượng các loại cây trồng, vật nuôi để tạo sự linh hoạt trong công tác chỉ đạo, điều hành.</p>	<p>Tiếp thu, bổ sung tại tiểu mục 2.3.2.1 (Trồng trọt), thuộc 2.3 (Phương hướng phát triển các ngành nông lâm, thủy sản), mục II, Chương 4 của Báo cáo tổng hợp.</p>
	<p>Bổ sung định hướng về việc tăng cường ứng dụng công nghệ cao vào trong sản xuất, ứng dụng các tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất nhằm làm giảm chi phí, tạo giá trị gia tăng cao và phát triển bền vững; đẩy mạnh công tác khuyến nông, chuyên giao tiến bộ khoa học công nghệ; nâng cao hiệu quả hoạt động và tập trung phát triển các mô hình, tổ hợp tác và hợp tác xã và kinh tế trang trại, làm chủ thể để liên kết với các doanh nghiệp trong sản xuất - thu mua - chế biến - tiêu thụ sản phẩm; ưu tiên ứng dụng công nghệ chuồng trại đáp ứng yêu cầu phát triển chăn nuôi an toàn sinh học, an toàn dịch bệnh, thân thiện với môi trường; nâng cao năng lực xử lý chất thải chăn nuôi; bổ sung định hướng phát triển các cơ sở giết mổ, cơ sở sơ chế, chế biến và cần bảo đảm có sự liên thông giữa cơ sở giết mổ với cơ sở sơ chế, chế biến sản phẩm.</p>	<p>Tiếp thu, bổ sung tại tiểu mục 2.3.2.2 (Trồng trọt), thuộc 2.3 (Phương hướng phát triển các ngành nông lâm, thủy sản), mục II, Chương 4 của Báo cáo tổng hợp.</p>
	<p>Bổ sung định hướng đầu tư phát triển đồng bộ kết cấu hạ tầng và dịch vụ hậu cần phục vụ khai thác, nuôi trồng và chế biến thủy sản; xây dựng các cảng cá, khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá; xây dựng trạm cung cấp dịch vụ, hậu cần, sơ chế, bảo quản, trung chuyển sản phẩm thủy sản; khuyến khích đầu tư phát triển công nghiệp hỗ trợ phục vụ cho khai thác, nuôi trồng và chế biến thủy sản; củng cố, phát triển ngành cơ khí, đóng mới sửa chữa tàu cá, ưu tiên sử dụng vật liệu mới trong đóng tàu cá; đẩy mạnh nghiên cứu ứng dụng công nghệ tiên tiến vào sản xuất vỏ tàu, máy tàu, ngư cụ, thiết bị thông tin, các công cụ, thiết bị phục vụ nuôi trồng, chế biến và dịch vụ nghề cá</p>	<p>Tiếp thu, bổ sung tại tiểu mục 2.3.2.4 (Trồng trọt), thuộc 2.3 (Phương hướng phát triển các ngành nông lâm, thủy sản), mục II, Chương 4 của Báo cáo tổng hợp.</p>
	<p>Bổ sung các giải pháp thu hút doanh nghiệp, các thành phần kinh tế đầu tư trong lĩnh vực nông nghiệp gắn sản xuất với bảo quản, chế biến sâu, sử dụng công nghệ tiên tiến kết hợp với các biện pháp tổ chức tiêu thụ ứng dụng công nghệ thông tin, công nghệ số gắn với</p>	<p>Tiếp thu, bổ sung tại tiểu mục 2.3.3 (Giải pháp phát triển), mục II, Chương 4 của Báo cáo tổng hợp.</p>

Stt	Nội dung thẩm định	Tiếp thu/giải trình
	phát triển thương mại điện tử; phương hướng và giải pháp phát triển không gian nông nghiệp kết hợp du lịch và nông nghiệp đặc sản, nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao; phương hướng phát triển mô hình nông nghiệp thông minh, sử dụng các công nghệ trí tuệ nhân tạo vào trang trại, trồng trọt và chăn nuôi.	
	Nghiên cứu, bổ sung các giải pháp về bảo vệ và củng cố khu rừng đặc dụng, rừng phòng hộ đầu nguồn, rừng phòng hộ ven biển	Tiếp thu chỉnh sửa tại tiêu mục 2.3.3 (Giải pháp phát triển ngành nông nghiệp) thuộc 2.3, mục II, Chương 4 của Báo cáo tổng hợp.
10.3	Về phương án phát triển ngành công nghiệp	
	Rà soát, đối chiếu, cập nhật về tài nguyên, trữ lượng, ranh giới, tọa độ, diện tích các mỏ, điểm mỏ, cụm mỏ trong Quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng khoáng sản đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 866/QĐ-TTg ngày 18/7/2023 để hoàn thiện các số liệu liên quan đến sử dụng đất và chỉ tiêu phát triển công nghiệp trong quy hoạch tỉnh	Tiếp thu và đã rà soát, đối chiếu, cập nhật về tài nguyên, trữ lượng, ranh giới, tọa độ, diện tích các mỏ, điểm mỏ, cụm mỏ nằm trong Quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng khoáng sản thời kỳ 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050 vào mục II (Phương án bảo vệ, khai thác, sử dụng tài nguyên trên địa bàn tỉnh), Chương 11 của Báo cáo tổng hợp.
	Rà soát, cân nhắc việc bố trí diện tích đất dành cho trụ sở làm việc của lực lượng công an bảo đảm an ninh trật tự, phòng cháy chữa cháy tại các cụm công nghiệp theo quy định của pháp luật	Tiếp thu, bổ sung tại tiêu mục 10.3 (Nhu cầu sử dụng đất của lĩnh vực PCCC và CNCH), mục X, Chương 7 của Báo cáo tổng hợp.
	Làm sâu sắc ý nghĩa, quy mô và các ngành công nghiệp ưu tiên phát triển tại cảng biển nước sâu Chân Mây để làm tiền đề cho sự phát triển khu kinh tế Chân Mây- Lăng Cô	Tiếp thu, bổ sung tại tiêu mục 2.1.2 (Phương hướng phát triển) thuộc 2.1 (Phương hướng phát triển ngành công nghiệp), mục II, Chương 4 của Báo cáo tổng hợp.
10.4	Về phương án phát triển kinh tế biển: bổ sung nội dung “ <i>Huy động nguồn lực quốc tế để đánh giá chính xác tiềm năng điện gió, điện mặt trời nhằm hỗ trợ chuyển đổi năng lượng</i> ” tại phương hướng phát triển năng lượng tái tạo; bổ sung định hướng phát triển đối với đầm Lập An; bổ sung định hướng xây dựng đầm phá kết hợp với khu công viên rừng Quốc gia Bạch Mã	Tiếp thu, bổ sung vào Báo cáo tổng hợp, cụ thể: - Năng lượng tái tạo: tại tiêu mục 2.4.2.4 mục II, Chương 4. - Định hướng phát triển đối với đầm Lập An: tại tiêu mục 4.4.1.3 (Các định hướng phát triển chủ yếu) thuộc 4.4, mục IV, Chương 6. - Định hướng xây dựng đầm phá kết hợp với khu công viên rừng Quốc gia Bạch Mã: tại tiêu mục

Stt	Nội dung thẩm định	Tiếp thu/giải trình
		2.4.2 thuộc 2.4 (Phương hướng phát triển kinh tế biển), mục II, Chương 4.
10.5	Về phương án phát triển du lịch	
	Bổ sung định hướng liên kết phát triển các tuyến du lịch nội tỉnh và liên tỉnh, các thị trường khách du lịch quốc tế và nội địa mà tỉnh Thừa Thiên Huế hướng tới; bổ sung các giải pháp về đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực ngành du lịch, ứng dụng các thành tựu khoa học công nghệ trong phát triển du lịch, bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu và phát triển bền vững trong du lịch; bổ sung các giải pháp về công tác xúc tiến quảng bá du lịch, liên kết phát triển du lịch tỉnh Thừa Thiên Huế với các tỉnh/thành trong vùng và cả nước, thu hút đầu tư phát triển du lịch; bổ sung giải pháp cụ thể cho công tác chuyển đổi số trong hoạt động kinh doanh du lịch	Tiếp thu, bổ sung tại tiểu mục 2.2.2.1 (Ngành du lịch) thuộc 2.2 (Phương hướng phát triển các ngành dịch vụ), mục II, Chương 4 của Báo cáo tổng hợp.
	Bổ sung định hướng phát triển hệ thống cơ sở ăn uống phục vụ du lịch và định hướng phát triển hệ thống các khu, điểm du lịch trọng điểm trên địa bàn tỉnh; cập nhật nội dung của Quy hoạch hệ thống du lịch thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.	Tiếp thu và chỉnh sửa tại tiểu mục 2.2.2 (phương hướng phát triển) mục II, Chương 4 của Báo cáo tổng hợp.
10.6	Về phương án phát triển thương mại, dịch vụ: cập nhật nội dung của Quy hoạch hạ tầng dự trữ xăng dầu, khí đốt đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 18/7/2023; bổ sung định hướng phát triển hệ thống cửa hàng xăng dầu, hệ thống trạm chiết nạp gas trên địa bàn tỉnh để có cơ sở triển khai thực hiện.	Tiếp thu, bổ sung Phương hướng phát triển hệ thống cửa hàng xăng dầu, hệ thống trạm chiết nạp gas vào tiểu mục 6.3.2 (Định hướng phát triển hạ tầng thương mại), mục VI (Phương án phát triển kết cấu hạ tầng du lịch và thương mại), Chương 8.
11	<i>Về phương án phát triển các ngành thuộc lĩnh vực xã hội</i>	
11.1	Về phương hướng phát triển giáo dục và đào tạo	
	Bổ sung quan điểm phát triển giáo dục và đào tạo của tỉnh; bổ sung mục tiêu, chỉ tiêu phát triển số cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông ngoài công lập và số học sinh theo học tại các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông ngoài công lập; mục tiêu, chỉ tiêu giáo viên đạt chuẩn; bổ sung mục tiêu, chỉ tiêu liên quan trực tiếp đến việc thực hiện Chương trình Giáo dục phổ thông mới; bổ sung mục tiêu phát triển giáo dục khuyết tật, giáo dục thường xuyên và giáo dục đại học của tỉnh.	Tiếp thu và bổ sung tại tiểu mục 3.2.1 (Quan điểm và mục tiêu phát triển) thuộc tiểu mục 3.2 (Phương hướng phát triển ngành giáo dục – đào tạo), mục III (Phương hướng phát triển lĩnh vực văn hóa xã hội), Chương 4 của Báo cáo tổng hợp.
	Rà soát, bổ sung định hướng phát triển các trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên và các thiết chế giáo dục thường xuyên khác; đẩy mạnh việc xây dựng và nhân rộng mô hình xã học tập, huyện học tập và đến năm 2030 tỉnh được công nhận là tỉnh học tập của Việt Nam; tập trung xây dựng các nguồn lực thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp để mọi công dân được học tập thường xuyên, tận dụng mọi cơ hội học tập để trở thành công	Tiếp thu và bổ sung tại tiểu mục 3.2.2.4 (Phương hướng phát triển giáo dục thường xuyên) thuộc tiểu mục 3.2 (Phương hướng phát triển ngành giáo dục – đào tạo), mục III (Phương hướng phát triển

Stt	Nội dung thẩm định	Tiếp thu/giải trình
	dân số; có kế hoạch xây dựng thành phố học tập hướng tới xây dựng năng lực và phẩm chất, đặc biệt gắn với cách mạng công nghiệp 4.0, chuyển đổi số, xây dựng quốc gia chuyên đổi số.	lĩnh vực văn hóa xã hội), Chương 4 của Báo cáo tổng hợp.
	Bổ sung các giải pháp phát triển giáo dục và đào tạo, trong đó xác định các chương trình hành động, lộ trình thực hiện các giải pháp để đảm bảo khả thi.	Tiếp thu và bổ sung tại tiểu mục 3.2.3 thuộc 3.2 (Phương hướng phát triển ngành giáo dục – đào tạo), mục III (Phương hướng phát triển lĩnh vực văn hóa xã hội), Chương 4 của Báo cáo tổng hợp.
11.2	Về phương hướng phát triển văn hóa: xem xét, chỉnh sửa nội dung về hoạt động thư viện theo ý kiến của Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch.	Tiếp thu, chỉnh sửa và bổ sung tại tiểu mục 3.3.2 (Phương hướng, giải pháp phát triển văn hóa và bảo tồn di sản văn hóa), mục III (Phương hướng phát triển lĩnh vực văn hóa xã hội), Chương 4 của Báo cáo tổng hợp.
11.3	Về phương hướng phát triển y tế: bổ sung quan điểm và phạm vi quy hoạch mạng lưới cơ sở y tế của tỉnh; phương hướng và mục tiêu phát triển y tế cần thể hiện rõ vai trò của y tế cơ sở, lấy y tế là nền tảng, thực hiện ưu tiên đầu tư và nâng cao hiệu quả hoạt động của các trung tâm y tế huyện và trạm y tế xã trong cung ứng các dịch vụ chăm sóc sức khỏe ban đầu cho người dân trong tỉnh; xem xét lại chỉ tiêu giường bệnh/vận dân, cần tách riêng chỉ tiêu giường bệnh tuyến trung ương và địa phương để có định hướng phát triển quy mô giường bệnh cho tuyến tỉnh; xác định nhu cầu nhân lực y tế theo từng phân kỳ để có kế hoạch và giải pháp đào tạo, tuyển dụng phù hợp.	Tiếp thu ý kiến của Thành viên HĐTĐ, Báo cáo tổng hợp đã bổ sung quan điểm và phạm vi quy hoạch mạng lưới cơ sở y tế tại <i>tiểu mục 3.1.1.1 (quan điểm phát triển), mục III (Phương hướng phát triển y tế và chăm sóc sức khỏe), Chương 4 của Báo cáo tổng hợp;</i> Và vai trò của y tế cơ sở tại <i>tiểu mục 3.1.2.2 (Nâng cao chất lượng dịch vụ khám chữa bệnh ...), mục III (Phương hướng phát triển lĩnh vực VHXXH), Chương 4; tiểu mục 1.1.1.3. (Tuyển huyện) và 1.1.1.4 (Tuyển xã), mục I (Phương án phát triển kết cấu hạ tầng y tế và chăm sóc sức khỏe), Chương 8 của Báo cáo tổng hợp.</i>
11.4	Về phương hướng phát triển thông tin và truyền thông: bổ sung mục tiêu phát triển kinh tế số, xã hội số, nguồn nhân lực số, đô thị thông minh; phương án phát triển kinh tế số, đô thị thông minh; cụ thể hóa phương án phát triển hạ tầng phát thanh, truyền hình của Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh và hạ tầng thông tin cơ sở trên địa bàn tỉnh; rà soát, bổ sung phương án phát triển của những lĩnh vực còn thiếu trong nội dung về mạng lưới cơ sở báo chí, xuất bản, in và phát hành, phát thanh, truyền hình, thông tin cơ sở, thông tin điện tử, thông tin đối ngoại	Tiếp thu, bổ sung vào tiểu mục 3.1.2 (Mục tiêu cụ thể), mục III (Phương án phát triển thông tin và truyền thông), Chương 7 của Báo cáo tổng hợp.

Stt	Nội dung thẩm định	Tiếp thu/giải trình
11.5	Về phương hướng phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo: bổ sung nội dung xây dựng Trung tâm Công nghệ sinh học quốc gia miền Trung theo Quyết định số 1670/QĐ-TTg ngày 28/9/2015 của Thủ tướng Chính phủ; bổ sung mục tiêu phát triển Thừa Thiên Huế “là trung tâm của vùng và cả nước về văn hóa - du lịch, y tế chuyên sâu, giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ”; rà soát sự cần thiết việc thành lập mới các cơ sở khoa học và công nghệ; rà soát hiện trạng các cơ sở khoa học và công nghệ đề nghị đầu tư nâng cấp; rà soát sự trùng lặp về công năng của các cơ sở khoa học và công nghệ được quy hoạch; nghiên cứu phương án quy hoạch tổng thể, tập trung các cơ sở khoa học và công nghệ vào một khu chức năng tối ưu hóa nguồn lực đầu tư	Tiếp thu, bổ sung vào tiểu mục 3.2.4 (Công nghệ thông tin, công nghệ số), mục III (Phương án phát triển thông tin và truyền thông), Chương 7 của Báo cáo tổng hợp. Nội dung này đã được thể hiện trong mục tiêu tổng quát phát triển lĩnh vực KH-CN & ĐMST tại tiểu mục 3.4.1.1 (Mục tiêu tổng quát) thuộc tiểu mục 3.4 Phương hướng phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, mục II, Chương 4 của Báo cáo tổng hợp.
12	<i>Về phương án tổ chức hoạt động kinh tế - xã hội</i>	
12.1	Nghiên cứu các quy định hiện hành để sử dụng các thuật ngữ phù hợp với quy định của pháp luật; lược bỏ các nội dung liên quan đến vùng kinh tế trọng điểm miền Trung do pháp luật về quy hoạch hiện nay không có khái niệm “vùng kinh tế trọng điểm”; xem xét, định hướng ưu tiên phát triển một số hành lang kinh tế có điều kiện thuận lợi nhất để tạo động lực và làm đầu tàu lôi kéo các khu vực khác cùng phát triển	Tiếp thu, chỉnh sửa tại tiểu mục 3.1.1 (Ba trung tâm đô thị) và tiểu mục 3.1.3 (Các hành lang kinh tế), mục III (Phương án tổ chức không gian các hoạt động KTXH), Chương 5 của Báo cáo tổng hợp.
12.2	Loại bỏ nội dung về “các vùng kinh tế liên huyện” do pháp luật về quy hoạch không có quy định; rà soát và hoàn thiện phương án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện.	Tiếp thu loại bỏ mục 3.1.4 vùng kinh tế liên huyện (Chương 5) tránh trùng lặp với nội dung vùng liên huyện tại chương 10; đồng thời rà soát các Phương án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện tại các tiểu mục 1.2 (Phương án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện trung tâm), 1.3 (Phương án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện Tây – Bắc), 1.4 (Phương án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện Tây – Bắc), mục I, Chương 10 của Báo cáo tổng hợp.
13	<i>Về phương án tổ chức hệ thống đô thị, nông thôn và sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã</i>	
13.1	Về phương án phát triển hệ thống đô thị	
	Rà soát việc sử dụng các thuật ngữ: vùng đô thị, hệ thống đô thị Tây - Bắc, hệ thống đô thị Đông - Nam theo các quy định của pháp luật hiện hành để làm cơ sở triển khai các quy hoạch đô thị theo quy định của pháp luật về quy hoạch đô thị; cập nhật nội dung Quy hoạch hệ thống đô thị và nông thôn thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 vào quy hoạch tỉnh; chuyển các nội dung về hành lang đô thị về mục “ <i>Phương án tổ chức hoạt động kinh</i>	Tiếp thu, bổ sung tại tiểu mục 2.3 (Phương án quy hoạch hệ thống đô thị), mục II, Chương 6 của Báo cáo tổng hợp. Tiếp thu và chuyển các nội dung về Hành lang đô thị về mục “ <i>Phương án tổ chức hoạt động kinh tế -</i>

Stt	Nội dung thẩm định	Tiếp thu/giải trình
	<p><i>tế - xã hội</i>” để phù hợp với nội dung phương án quy hoạch hệ thống đô thị quy định tại điểm d khoản 2 Điều 27 Luật Quy hoạch; xem xét, bổ sung nguyên tắc phát triển thành phố Thừa Thiên Huế là xây dựng và phát triển Thừa Thiên Huế trên nền tảng bảo tồn, phát huy giá trị di sản cố đô và bản sắc văn hóa Huế, với đặc trưng văn hóa, di sản, sinh thái, cảnh quan, thân thiện môi trường và thông minh để phù hợp với Nghị quyết số 54-NQ/TW của Bộ Chính trị</p>	<p>xã hội” tại tiểu mục 3.1.3 (Các hành lang kinh tế), mục III, Chương 5 của Báo cáo tổng hợp.</p>
	<p>Xem xét chỉnh sửa phương án tổ chức đơn vị hành chính đô thị theo hướng không tăng số lượng đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã</p>	<p>Báo cáo tổng hợp đã sắp xếp đơn vị hành chính đô thị theo hướng giữ nguyên số đơn vị hành chính (09 đơn vị), không tăng số đơn vị hành chính đến năm 2030 tại <i>tiểu mục 1.2 (Định hướng sắp xếp lại đơn vị hành chính), mục I (Phương án sắp xếp đơn vị hành chính), Chương 6</i>. Tuy nhiên tại khoản 1 Mục V Điều 1 dự thảo Quyết định: Tầm nhìn đến năm 2050, định hướng mô hình đô thị Thừa Thiên Huế gồm 10 đơn vị hành chính (tăng 01 đơn vị) do thành lập thành phố Chân Mây; đã được định hướng xây dựng đô thị loại III Chân Mây xuyên suốt từ Kết luận 48-KL/TW ngày 25/5/2009, Nghị quyết số 54-NQ/TW ngày 10/12/2019 của Bộ Chính trị và được cụ thể hóa tại Nghị quyết 445-KL/TU ngày 13/5/2022 của Tỉnh ủy Thừa Thiên Huế (xây dựng Thành phố Chân Mây)</p>
	<p>Nghiên cứu để có kết nối giữa Quy hoạch tỉnh và Quy hoạch đô thị Thừa Thiên Huế (với định hướng trở thành đô thị loại I trực thuộc Trung ương); làm rõ không gian hướng biển của thành phố Thừa Thiên Huế</p>	<p>Tiếp thu và đã đồng bộ, kết nối giữa Quy hoạch tỉnh và Quy hoạch chung đô thị với định hướng trở thành đô thị loại I trực thuộc Trung ương. Về không gian hướng biển: tiếp thu và bổ sung tại tiểu mục 3.1.3.3 (Hành lang kinh tế đô thị hướng biển) thuộc 3.1, mục III, Chương 4 và tiểu mục 2.3.3.4 (Mô hình đô thị sinh thái biển) thuộc 2.3, mục II, Chương 6 của Báo cáo tổng hợp.</p>

Stt	Nội dung thẩm định	Tiếp thu/giải trình
	<p>Bổ sung và nêu rõ những đô thị hình thành để bảo tồn và phát huy giá trị đặc sắc cổ đô và di sản văn hoá vật thể được UNESCO công nhận để làm căn cứ áp dụng tiêu chuẩn đặc thù theo Nghị quyết số 26/2022/UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về phân loại đô thị và Nghị quyết số 27/2022/UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính.</p>	<p>Tiếp thu, bổ sung tại tiểu mục 2.3.1 (Định hướng phát triển mạng lưới và phân loại đô thị), mục II, Chương 6 của Báo cáo tổng hợp.</p>
13.2	<p>Về phát triển nông thôn: xem xét bổ sung một số nội dung về phương án phát triển điểm dân cư nông thôn như: (i) Các chỉ số phát triển nông thôn; (ii) Định hướng phát triển điểm dân cư nông thôn; (iii) Định hướng phát triển hạ tầng điểm dân cư nông thôn; (iv) Phương án phát triển kết cấu hạ tầng liên kết hệ thống đô thị, nông thôn</p>	<p>(i) Các chỉ số: Tỷ lệ hộ nghèo, thu nhập nông thôn đã được nêu tại tiểu mục 3.5 (Giải quyết việc làm, giảm nghèo, an sinh xã hội), mục III, Chương 4 và các chỉ tiêu về xã nông thôn mới đã nêu tại tiểu mục 3.5 (Thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới), mục III (Phương án quy hoạch hệ thống nông thôn), Chương 6 của Báo cáo tổng hợp.</p> <p>(ii) Tiếp thu, bổ sung và chỉnh sửa tại tiểu mục 3.3 (Định hướng tổ chức lãnh thổ khu vực nông thôn, các vùng sản xuất tập trung), mục III (Phương án Quy hoạch hệ thống nông thôn), Chương 6 của Báo cáo tổng hợp.</p> <p>(iii) Tiếp thu, bổ sung tại tiểu mục 3.5 (Định hướng phát triển hạ tầng điểm dân cư nông thôn), mục III (Phương án Quy hoạch hệ thống nông thôn), Chương 6 của Báo cáo tổng hợp.</p> <p>(iv) Tiếp thu, bổ sung tại tiểu mục 3.6 (Phương án phát triển kết cấu hạ tầng liên kết hệ thống đô thị, nông thôn), mục III (Phương án Quy hoạch hệ thống nông thôn), Chương 6 của Báo cáo tổng hợp. Đã rà soát đánh giá tại mục I (Phương án sắp xếp đơn vị hành chính), Chương 6 của Báo cáo tổng hợp</p>

Stt	Nội dung thẩm định	Tiếp thu/giải trình
13.3	Về phương án sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã: rà soát nội dung về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã trong Quy hoạch tỉnh Thừa Thiên Huế theo nội dung Nghị quyết số 35/2023/UBTVQH15 ngày 12/7/2023 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, Công điện số 616/CD-TTg ngày 04/7/2023 của Thủ tướng Chính phủ, Văn bản số 3501/BNV-CQĐP ngày 06/7/2023 của Bộ Nội vụ và Văn bản số 6356/BKHĐT-QLQH ngày 08/8/2023 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.	Đã rà soát đánh giá tại mục I (Phương án sắp xếp đơn vị hành chính), Chương 6 của Báo cáo tổng hợp.
14	<i>Về phương án phát triển các khu chức năng</i>	
14.1	Về phương án phát triển các khu kinh tế: rà soát, xây dựng phương án phát triển khu kinh tế theo quy định tại Điều 5 Nghị định số 35/2022/NĐ-CP ngày 28/5/2022 của Chính phủ, lưu ý thuyết minh cụ thể về việc đáp ứng các điều kiện lập Danh mục các khu kinh tế trên địa bàn tỉnh theo quy định tại khoản 4 Điều 5 Nghị định số 35/2022/NĐ-CP ngày 28/5/2022 của Chính phủ; bổ sung nội dung nâng cấp cửa khẩu A Đốt - Tà Vàng thành cửa khẩu quốc tế vào giai đoạn sau 2021-2030.	Tiếp thu, bổ sung tại tiểu mục 4.1 (Phương án phát triển các khu kinh tế), mục IV, Chương 6 của Báo cáo tổng hợp.
14.2	Về phương án phát triển khu công nghiệp: thuyết minh cụ thể về việc đáp ứng các điều kiện lập Danh mục các khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh theo quy định tại khoản 4 Điều 4 Nghị định số 35/2022/NĐ-CP ngày 28/5/2022 của Chính phủ; rà soát khả năng thu hút đầu tư của các khu công nghiệp, dự kiến về khả năng thu hút đầu tư vào các khu công nghiệp của tỉnh trong giai đoạn 2021 - 2030 và các điều kiện chấp thuận chủ trương đầu tư dự án hạ tầng khu công nghiệp theo quy định của pháp luật về đầu tư và pháp luật về khu công nghiệp để xây dựng phương án hợp lý; rà soát phương án mở rộng các khu công nghiệp hiện hữu, phương án phát triển các khu công nghiệp mới, phương án phát triển khu kinh tế đến năm 2030 đảm bảo kế thừa các quy hoạch khu công nghiệp đã được phê duyệt và phù hợp chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 đã phân bổ cho tỉnh tại Quyết định số 326/QĐ-TTg ngày 09/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ; rà soát phương án phát triển các khu công nghiệp - đô thị - dịch vụ theo quy định tại Nghị định số 35/2022/NĐ-CP ngày 28/5/2022 của Chính phủ và quy định của pháp luật có liên quan.	Tiếp thu, bổ sung tại tiểu mục 4.2.1 (Phương án phát triển các khu công nghiệp), mục IV, Chương 6 của Báo cáo tổng hợp. Tiếp thu, rà soát theo Quyết định số 326 tại tiểu mục 2.2.1 (Chỉ tiêu sử dụng đất do quốc gia phân bổ), mục II, Chương 9 của Báo cáo tổng hợp.
15	<i>Về phương án phát triển kết cấu hạ tầng</i>	
15.1	Về hạ tầng giao thông	
	Rà soát công suất thiết kế dự kiến đối với sân bay Phú Bài theo Quyết định số 648/QĐ-TTg ngày 07/6/2023 của Thủ tướng Chính phủ.	Tiếp thu, bổ sung tại tiểu mục 1.3.5 (Đường hàng không), mục I, Chương 7 của Báo cáo tổng hợp.

Stt	Nội dung thẩm định	Tiếp thu/giải trình
	<p>Cập nhật cấp quy hoạch tuyến đường thủy nội địa Trung ương (sông Hương, Phá Tam Giang) và định hướng quy hoạch các cụm cảng hàng hóa, hành khách theo Phụ lục II, IV, V theo Quyết định số 1829/QĐ-TTg ngày 22/9/2021 của Thủ tướng Chính phủ; cập nhật 02 cảng cạn Chân Mây và Phú Lộc theo Quyết định số 979/QĐ-TTg ngày 22/8/2023 của Thủ tướng Chính phủ. Nghiên cứu bổ sung quy hoạch cảng khách trên sông Hương, khu vực đầm phá Tam Giang - Cầu Hai phục vụ du lịch.</p>	<p>Tiếp thu, chỉnh sửa tại tiểu mục 1.3.3.2 (Tuyến đường thủy nội địa địa phương) thuộc 1.3.3 (Đường thủy nội địa), mục I (Phương hướng phát triển mạng lưới giao thông), Chương 7 của Báo cáo tổng hợp.</p>
	<p>Rà soát, cập nhật thông tin về các tuyến cao tốc và các tuyến quốc lộ trên địa bàn tỉnh theo Quyết định số 1454/QĐ-TTg ngày 01/9/2021 của Thủ tướng Chính phủ. Cập nhật nội dung tuyến đường sắt tốc độ cao Bắc - Nam theo văn bản số 8840/UBND-GT ngày 22/8/2023 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế; phân chia rõ hệ thống đường tỉnh, tuyến kết nối, đường vành đai theo các nhóm; bổ sung thông tin về phương án phát triển hệ thống cầu, đặc biệt là cầu chính yếu làm nhiệm vụ kết nối liên huyện, liên tỉnh; làm rõ nhu cầu/vai trò chức năng, vị trí, quy mô và tiến trình đầu tư đối với hệ thống bến xe được quy hoạch trên địa bàn tỉnh.</p>	<p>Tiếp thu, bổ sung tại tiểu mục 1.3.1 (Đường bộ), mục I, Chương 7 của Báo cáo tổng hợp.</p>
	<p>Bổ sung phương án phát triển kết cấu hạ tầng giao thông đô thị; bổ sung quy hoạch đường sắt đô thị sau năm 2030 phù hợp với điều chỉnh quy hoạch chung thành phố Huế đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050.</p>	<p>Tiếp thu bổ sung vào mục 1.3.2 (Đường sắt) mục I (Phương án phát triển mạng lưới giao thông), Chương 7 của Báo cáo tổng hợp.</p>
	<p>Bổ sung nội dung "<i>Tuyến đường sắt Hà Nội - Tp.HCM hiện tại: tiếp tục duy trì, cải tạo nâng cấp để khai thác vận tải hành khách và hàng hóa có hiệu quả. Trong đó, dự kiến xây mới tuyến nhánh kết nối ga Thừa Lưu vào cảng biển Chân Mây</i>". Xem xét bổ sung định hướng về phát triển đô thị gắn với định hướng phát triển hệ thống giao thông công cộng TOD trên địa bàn.</p>	<p>Tiếp thu, chỉnh sửa tại tiểu mục 1.3.1.4 (Định hướng phát triển đô thị gắn với hệ thống giao thông công cộng), mục I, Chương 7 của Báo cáo tổng hợp.</p>
	<p>Rà soát, cập nhật thông tin về cụm cảng Thừa Thiên Huế theo Quyết định số 1579/QĐ-TTg ngày 22/9/2021 của Thủ tướng Chính phủ; cập nhật quy hoạch chi tiết cảng biển Thừa Thiên Huế, các khu bến Chân Mây, Thuận An, Phong Điền theo quy hoạch phát triển vùng đất, vùng nước cảng biển đang được triển khai để đồng bộ và bảo đảm thống nhất giữa các quy hoạch; bổ sung phương án phát triển hệ thống cảng cá, khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá; xem xét cập nhật các khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá (Thuận an, huyện Phú Vang; Đầm Cầu Hai, huyện Phú Lộc; Phú Hải, huyện Phú Vang; Vinh Hiền, huyện Phú Lộc), Cảng cá Thuận An đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1976/QĐ-TTg ngày 12/11/2015 về Quy hoạch hệ thống cảng cá và khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá đến năm 2020, định hướng đến năm 2030.</p>	<p>Tiếp thu, bổ sung tại tiểu mục 1.2.1.3 (Thủy sản) thuộc 1.2 (Thực trạng phát triển các ngành kinh tế), mục I, Chương 2 và tiểu mục 1.3.4 (Đường biển) thuộc 1.3 (Định hướng phát triển mạng lưới giao thông), mục I, Chương 7 của Báo cáo tổng hợp.</p>

Stt	Nội dung thẩm định	Tiếp thu/giải trình
	<p>Làm rõ các trục giao thông động lực trên địa bàn tỉnh theo trục phát triển đô thị; làm rõ thông tin về tuyến đường ven biển trên địa bàn tỉnh theo từng đoạn tuyến; rà soát, phân tích và đánh giá tác động của các công trình lấn biển hoặc các công trình điện gió ngoài khơi trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế để đảm bảo không xung đột trên không gian biển.</p>	<p>Tiếp thu, bổ sung tại tiểu mục 3.1.3 (Các hành lang kinh tế), mục III (Phương án tổ chức không gian các hoạt động KTXH), Chương 5 của Báo cáo tổng hợp; và tiếp thu, bổ sung tại tiểu mục 1.3.1 (Đường bộ), mục I, Chương 7 của Báo cáo tổng hợp.</p>
15.2	<p>Về phương án phát triển mạng lưới cấp điện: rà soát, cập nhật phương án phát triển mạng lưới điện truyền tải 500kV, 220kV, nguồn điện, các dự án điện năng lượng mặt trời theo Quyết định số 500/QĐ-TTg ngày 15/2/2023 của Thủ tướng Chính phủ; cập nhật, rà soát, chuẩn xác danh mục lưới điện 110kV trên địa bàn tỉnh, bổ sung phương hướng phát triển đường dây và trạm biến áp 110kV để giải tỏa các nguồn điện; phân chia cụ thể thời kỳ triển khai thực hiện phát triển các nguồn điện; cập nhật nhu cầu sử dụng đất cho các công trình năng lượng; nghiên cứu dự phòng vị trí các trạm nạp/sạc nhiên liệu cho các phương tiện giao thông sử dụng điện trên cơ sở bố trí tối ưu tại các ô quy hoạch; dự phòng phương án cấp điện cho đường sắt tốc độ cao Bắc - Nam và đường sắt đô thị trên địa bàn.</p>	<p>Tiếp thu và rà soát cập nhật “Phương án phát triển mạng lưới cấp điện” tuân thủ theo Quyết định số 500/QĐ-TTg ngày 15/2/2023 của Thủ tướng Chính phủ tại Báo cáo tổng hợp và các phụ lục XI-a và XI-b dự thảo Quyết định Quy hoạch tỉnh Thừa Thiên Huế giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.</p>
15.3	<p>Về phương án phát triển hạ tầng viễn thông: rà soát, bổ sung các công trình viễn thông quan trọng liên quan đến an ninh quốc gia và các công trình viễn thông của tỉnh theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 27 Luật Quy hoạch; bổ sung phương án phát triển hạ tầng số của tỉnh; rà soát đối với nội dung xây dựng 01 khu công nghiệp công nghệ thông tin tập trung tại Khu B - Khu đô thị An Vân Dương để phù hợp với phương án phát triển khu công nghiệp; rà soát, bổ sung phương án phát triển hạ tầng phát thanh truyền hình, hạ tầng truyền dẫn phát thanh truyền hình.</p>	<p>Tiếp thu, bổ sung tại tiểu mục 1.1.4 (Các khu chức năng và công trình, dự án khác), mục I, Chương 5 của Báo cáo tổng hợp.</p>
15.4	<p>Về phương án phát triển hệ thống kho dự trữ: cập nhật nội dung của Quy hoạch tổng thể hệ thống kho dự trữ quốc gia thời kỳ 2021 -2030, tầm nhìn đến năm 2050.</p>	<p>Tiếp thu và đã rà soát đảm bảo thống nhất với Quy hoạch ngành quốc gia. Hiện nay Bộ Công thương đang lấy ý kiến về Kế hoạch thực hiện Quy hoạch hạ tầng dự trữ, cung ứng xăng dầu, khí đốt quốc gia thời kỳ 2021-2030 và đã đề xuất bổ sung Kho cảng LNG Chân Mây với công suất qua kho 500.000 tấn/năm và kho chứa nổi FSU công suất chứa khoảng 138.000 m³ vào giai đoạn thực hiện trước năm 2030 của Kế hoạch thực hiện Quy hoạch hạ tầng dự trữ, cung</p>

Stt	Nội dung thẩm định	Tiếp thu/giải trình
		ứng xăng dầu, khí đốt quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.
15.5	<p>Về phương án phát triển hạ tầng y tế: Đối với lĩnh vực khám bệnh, chữa bệnh: rà soát, sắp xếp lại các bệnh viện chuyên khoa tỉnh hoạt động không hiệu quả, phát triển khoa lão, khoa sức khoẻ tâm thần, khoa truyền nhiễm trong các bệnh viện đa khoa tỉnh; đầu tư, phát triển các bệnh viện đa khoa huyện trở thành bệnh viện thuộc tuyến chăm sóc cơ bản nhằm tăng cường khả năng tiếp cận dịch vụ khám chữa bệnh nội trú; tăng cường đầu tư cho lĩnh vực hồi sức tích cực tại tuyến tỉnh và tuyến huyện, phát triển hệ thống cấp cứu ngoại viện tại địa phương; đối với địa bàn có giao thông thuận lợi, thực hiện mô hình Trung tâm 115 hoàn chỉnh kết hợp tổ chức các đơn vị cấp cứu vệ tinh theo khu vực. Xem xét, loại bỏ định hướng về phát triển số lượng giường bệnh đối với các cơ sở y tế ngoài công lập.</p> <p>Đối với lĩnh vực y tế dự phòng: kiện toàn Trung tâm kiểm soát bệnh tật tuyến tỉnh theo hướng quy hoạch tập trung các đơn vị chuyên ngành y tế dự phòng tuyến tỉnh vào cùng một địa điểm và tiếp tục sát nhập các đơn vị chuyên ngành y tế dự phòng tuyến tỉnh.</p> <p>Đối với mạng lưới y tế tuyến xã: tổ chức hệ thống trạm y tế phù hợp với quy mô, cơ cấu dân số, điều kiện kinh tế - xã hội, khả năng tiếp cận dịch vụ y tế của người dân ở từng khu vực, địa bàn. Phân đầu đến năm 2030, trạm y tế xã có đủ năng lực đảm nhận vai trò là cấp chăm sóc ban đầu, có chức năng tiếp nhận, sàng lọc và chuyển tuyến người bệnh kịp thời.</p>	Tiếp thu, rà soát bổ sung các nội dung phù hợp tại mục I (Phương án phát triển kết cấu hạ tầng y tế và chăm sóc sức khoẻ), Chương 8 của Báo cáo tổng hợp.
15.6	<p>Về phương án phát triển hạ tầng giáo dục và đào tạo: làm rõ phương án phát triển hạ tầng giáo dục và đào tạo tại các khu đô thị mới, khu công nghiệp, cụm công nghiệp; bổ sung phương án phát triển hạ tầng cơ sở giáo dục dân tộc; làm rõ định hướng về địa điểm bố trí, quy mô công trình, nhu cầu diện tích sử dụng đất đối với phương án “<i>Giai đoạn 2021-2030, thành lập mới 01 Trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập công lập cấp tỉnh; 01 trung tâm giáo dục khuyết tật, trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập</i>”; bổ sung bản đồ quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục và đào tạo của tỉnh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.</p>	Tiếp thu và bổ sung vị trí và quy mô đất tại tiêu mục 2.2.3 (Đối với giáo dục chuyên biệt và giáo dục hòa nhập) thuộc tiêu mục 2.2 (Phương án phát triển mạng lưới trường), mục II (Phương án phát triển kết cấu hạ tầng giáo dục và đào tạo), Chương 8 của Báo cáo tổng hợp.
15.7	<p>Về phương án phát triển hạ tầng khoa học và công nghệ: Bổ sung định hướng phát triển, tổ chức không gian cho các khu chức năng khoa học công nghệ</p>	Tiếp thu, bổ sung tại tiêu mục 4.3.2 thuộc 4.3 (Khu chức năng khoa học công nghệ), mục IV, Chương 6 của Báo cáo tổng hợp.
	Xem xét lại định hướng về việc xây dựng và phát triển khu công nghệ cao trên địa bàn tỉnh trong thời kỳ 2021-2030 do tại Quyết định số 326/QĐ-TTg ngày 09/3/2022 của Thủ tướng	Tiếp thu, rà soát theo Quyết định số 326 tại tiêu mục 2.2.1 (Chỉ tiêu sử dụng đất do quốc gia phân

Stt	Nội dung thẩm định	Tiếp thu/giải trình
	<p>Chính phủ không phân bổ chỉ tiêu sử dụng đất khu công nghệ cao cho tỉnh Thừa Thiên Huế</p>	<p>bổ), mục II, Chương 9 của Báo cáo tổng hợp. Tuy nhiên, thực hiện Nghị quyết số 54-NQ/TW ngày 10/12/2019 của Bộ Chính trị và Nghị quyết 83 ngày 27/5/2020 của Chính phủ triển khai thực hiện Nghị quyết số 54 đã xác định phát triển khoa học và công nghệ của tỉnh theo cơ chế thị trường, hình thành, khu công nghệ thông tin tập trung, khu công nghệ cao và các tổ chức nghiên cứu đủ sức giải quyết các nhiệm vụ khoa học công nghệ của vùng và quốc gia, trở thành trung tâm lớn của cả nước về khoa học và công nghệ.</p> <p>Hiện nay tỉnh Thừa Thiên Huế đã trình đề án thành lập khu công nghệ cao lên Bộ KHCN thẩm định và thực hiện các bước tiếp theo để trình Thủ tướng chính phủ phê duyệt. Việc hình thành khu công nghệ cao là chủ trương lớn của Đảng và Nhà nước, là định hướng phát triển mang tính đột phá của tỉnh do đó nhất thiết phải được đưa vào các nội dung của quy hoạch tỉnh Thừa Thiên Huế thường kỳ 2021 – 2030.</p> <p>Ngoài ra, thực hiện Công điện số 360/CD-TTg ngày 02/5/2023 của Thủ tướng Chính phủ về kết quả thực hiện chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất đã được giao; UBND tỉnh Thừa Thiên Huế có Báo cáo số 194/BC-UBND ngày 19/5/2023 gửi Bộ Tài nguyên và Môi trường điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 và Kế hoạch sử dụng đất quốc gia 05 năm 2021-2025 đã phân bổ cho địa phương, theo đó tỉnh đã đề xuất bổ sung diện tích đất dành cho khu công nghệ cao.</p>

Stt	Nội dung thẩm định	Tiếp thu/giải trình
	Bổ sung nội dung về chuyển đổi số và hạ tầng số, bao gồm hạ tầng kết nối, hạ tầng thiết bị, hạ tầng dữ liệu và hạ tầng ứng dụng.	Tiếp thu, bổ sung tại tiểu mục 3.2.2 và 3.2.4 thuộc 3.2 (Phương án phát triển mạng lưới thông tin và truyền thông), mục III, Chương 7 của Báo cáo tổng hợp.
15.8	Về phương án phát triển mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp: bổ sung phương hướng liên kết ngành giữa mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp và các hệ thống giáo dục đào tạo khác trong hệ thống giáo dục quốc dân; rà soát phương án phát triển mạng lưới cơ sở trợ giúp xã hội theo Quy hoạch mạng lưới cơ sở trợ giúp xã hội quốc gia; phương án phát triển mạng lưới cơ sở trợ giúp xã hội của tỉnh cần bảo đảm về số lượng cơ sở, quy mô phát triển, bố trí, sắp xếp không gian phát triển, nhu cầu sử dụng đất và khả năng bố trí quỹ đất của tỉnh (bao gồm cả định hướng phát triển đối với cơ sở ngoài công lập).	Tiếp thu, bổ sung tại tiểu mục 3.2.2.6 (Giáo dục nghề nghiệp) thuộc tiểu mục 3.2 (Phương hướng phát triển Giáo dục và Đào tạo), mục III (Phương hướng phát triển lĩnh vực văn hóa xã hội, Chương 4 của Báo cáo tổng hợp.
15.9	Về phương án phát triển hạ tầng phòng cháy, chữa cháy: rà soát và thống nhất số liệu về hạ tầng phòng cháy và chữa cháy theo Quyết định số 819/QĐ-TTg ngày 07/7/2023 của Thủ tướng Chính phủ.	Tiếp thu, cập nhật lại diện tích sử dụng đất về PCCC và CHCN theo văn bản số 2997/BCA-H02 ngày 25/8/2023 của Bộ Công an gửi Bộ TNMT và văn bản số 3764/H02-P4 ngày 5/9/2023 gửi Công an tỉnh Thừa Thiên Huế. Nội dung cập nhật diện tích tại tiểu mục 10.3 (Nhu cầu sử dụng đất của lĩnh vực PCCC và CNCH); mục X (Phương án phát triển mạng lưới cơ sở phòng, chữa cháy), Chương 7 của Báo cáo tổng hợp.
16	<i>Về phương án phân bổ và khoanh vùng đất đai theo khu chức năng và theo loại đất đến từng đơn vị hành chính cấp huyện</i>	
16.1	Cập nhật nội dung Quy hoạch sử dụng đất an ninh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 vào quy hoạch tỉnh.	Chỉ tiêu sử dụng đất an ninh đến năm 2030 của quy hoạch sử dụng đất quốc gia phân bổ trên địa bàn tỉnh là 2.265 ha. Tuy nhiên căn cứ hiện trạng sử dụng đất; kết quả thực hiện quy hoạch kỳ trước (chưa thực hiện chuyển khoảng 1 ha các loại đất cho mở rộng, làm mới các công trình an ninh theo chỉ tiêu Chính phủ đã cho giao) và đề xuất của UBND cấp huyện, tỉnh Thừa Thiên Huế quy hoạch sử dụng đất an ninh xác định đến năm 2030 là 1.849 ha đất an ninh; chiếm 0,37% tổng diện tích

Stt	Nội dung thẩm định	Tiếp thu/giải trình
		tự nhiên và thấp hơn 416 ha so với chỉ tiêu quốc gia phân bổ.
16.2	Rà soát, chuẩn hóa chỉ tiêu đất phát triển hạ tầng theo đúng quy định tại điểm b khoản 6 Điều 22, điểm b khoản 7 Điều 28 Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07/5/2019 của Chính phủ và Quyết định 326/QĐ-TTg ngày 09/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ.	Tiếp thu, rà soát theo Quyết định số 326 tại tiêu mục 2.2.1 (Chỉ tiêu sử dụng đất do quốc gia phân bổ), mục II, Chương 9 của Báo cáo tổng hợp. Tuy nhiên, thực hiện mục tiêu xây dựng thành phố trực thuộc Trung ương trước năm 2025, tỉnh sẽ tập trung huy động mọi nguồn lực để đầu tư xây dựng, hoàn thiện kết cấu hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội tạo bước đột phá nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển, đầu tư phát triển đồng bộ các dự án hạ tầng trọng điểm cấp quốc gia, cấp tỉnh, liên huyện, nhất là về giao thông, năng lượng và hạ tầng số, ...; căn cứ hiện trạng sử dụng đất, kết quả thực hiện quy hoạch sử dụng đất kỳ trước (chưa thực hiện khai thác khoảng 750 ha các mục đích sử dụng đất khác cho xây dựng, mở rộng và làm mới các dự án hạ tầng giao thông, thủy lợi, văn hóa, thể thao); đề xuất nhu cầu phát triển của các ngành y tế, giáo dục - đào tạo, thể dục thể thao, văn hóa, giao thông, thủy lợi, năng lượng... của các Quy hoạch ngành quốc gia; tỉnh Thừa Thiên Huế xác định đến năm 2030, quy hoạch sử dụng đất phát triển hạ tầng là 42.975 ha, tăng 4.887 ha so với năm 2020; chiếm 8,69% diện tích tự nhiên; tăng 8.448 ha so với chỉ tiêu quốc gia phân bổ (34.527 ha).
16.3	Rà soát phạm vi khu vực hạn chế phát triển, khu vực khuyến khích phát triển trong định hướng không gian cho sử dụng đất để bảo đảm thống nhất với phạm vi các khu vực này đã được xác định tại phương án tổ chức không gian các hoạt động kinh tế - xã hội; rà soát phạm vi khu vực bảo vệ nghiêm ngặt trong định hướng không gian cho sử dụng đất để đảm bảo thống nhất với phạm vi khu vực bảo vệ nghiêm ngặt đã được xác định cụ thể tại phương án bảo vệ môi trường, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học.	Tiếp thu và bổ sung tại tiêu mục 3.2.9 Khu vực hạn chế phát triển và khu vực khuyến khích phát triển), mục III, Chương 5 của Báo cáo tổng hợp.

Stt	Nội dung thẩm định	Tiếp thu/giải trình
16.4	<p>Thể hiện đầy đủ định hướng sử dụng đất đối với 07 hành lang kinh tế để đảm bảo tính logic và thống nhất với nội dung nêu tại phương án tổ chức không gian các hoạt động kinh tế - xã hội; bổ sung sơ đồ về việc phát triển 05 hành lang phát triển đô thị theo các trục động lực và trục kết nối phát triển của tỉnh.</p>	<p>Tiếp thu, bổ sung tại tiêu mục 2.1.1.2 (Định hướng sử dụng đất theo các trục các hành lang phát triển kinh tế, hành lang phát triển đô thị), mục II, Chương 9 của Báo cáo tổng hợp.</p>
16.5	<p>Rà soát chỉ tiêu các loại đất quy hoạch đến năm 2030 theo Quyết định số 326/QĐ-TTg ngày 09/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ; xây dựng phương án sử dụng đất để thực hiện các chương trình, dự án giai đoạn đến năm 2025 phù hợp với chỉ tiêu sử dụng đất giai đoạn 2021-2025 đã được Thủ tướng Chính phủ giao tại Quyết định số 326/QĐ-TTg ngày 09/3/2022; bổ sung vào Bảng 172 một số chỉ tiêu đã được thể hiện tại Quyết định số 326/QĐ-TTg như đất khu công nghiệp, đất đô thị; rà soát, bổ sung nội dung theo quy định tại khoản 7 Điều 28 Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07/5/2019 của Chính phủ.</p>	<p>Tiếp thu, rà soát theo Quyết định số 326 tại tiêu mục 2.2.1 (Chỉ tiêu sử dụng đất do quốc gia phân bổ), mục II, Chương 9 của Báo cáo tổng hợp.</p> <p>Tuy nhiên, thực hiện Nghị quyết số 54-NQ/TW ngày 10/12/2019 của Ban chấp hành trung ương và Nghị quyết 83 ngày 27/5/2020 của Chính phủ triển khai thực hiện Nghị quyết 54-NQ/TW về xây dựng và phát triển tỉnh Thừa Thiên Huế đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; trong đó xác định mục tiêu đến năm 2025 Thừa Thiên Huế trở thành thành phố trực thuộc Trung ương; thực hiện Công điện số 360/CD-TTg ngày 02/5/2023 của Thủ tướng Chính phủ về kết quả thực hiện chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất đã được giao; UBND tỉnh Thừa Thiên Huế có Báo cáo số 194/BC-UBND ngày 19/5/2023 gửi Bộ Tài nguyên và Môi trường điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 và Kế hoạch sử dụng đất quốc gia 05 năm 2021-2025 đã phân bổ cho địa phương. Do vậy, Phương án phát triển Thừa Thiên Huế trong Báo cáo tổng hợp Quy hoạch tỉnh đã được Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh Thừa Thiên Huế đang thống nhất xây dựng kịch bản phát triển ở mức cao cho thời kỳ 2021 – 2030. Tương đồng với kịch bản phát triển này thì cơ cấu sử dụng đất phải ở mức cao trong đó tập trung vào phát triển công nghiệp và đô thị, các chỉ tiêu sử dụng đất của tỉnh do đó đang đề xuất ở mức cao hơn so với phân</p>

Stt	Nội dung thẩm định	Tiếp thu/giải trình
		bổ của Thủ tướng tại quyết định số 326/QĐ-TTg ngày 09/3/2022.
16.6	+ Phân tích, làm rõ việc chuyển mục đích sử dụng đất nông nghiệp theo quy định tại Điều 57 Luật Đất đai; việc chuyển mục đích sử dụng đất rừng để thực hiện các công trình, dự án cần thực hiện đúng theo chỉ đạo của Ban Bí thư tại Chỉ thị số 13-CT/TW ngày 12/01/2017. Rà soát các công trình, dự án có sử dụng đất đã được cấp có thẩm quyền giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất nhưng đến nay chưa đưa vào sử dụng làm cơ sở cho việc thu hồi đất.	Tiếp thu, rà soát theo Quyết định số 326 tại tiêu mục 2.2.1 (Chỉ tiêu sử dụng đất do quốc gia phân bổ), mục II, Chương 9 của Báo cáo tổng hợp. Tuy nhiên, do nhu cầu thực tế của địa phương, chỉ tiêu phân bổ về đất trồng lúa là 28.497 ha; trong khi đó, chỉ tiêu này của tỉnh đã được phê duyệt theo Quy hoạch sử dụng đất cấp huyện là 28.634 ha, vượt 137 ha; như vậy tỉnh không chuyển đổi làm giảm chỉ tiêu này so với Quyết định số 326.
17	<i>Về phương án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, vùng huyện</i>	
	Đề nghị thể hiện rõ nét hơn tính chất đặc trưng, sự khác biệt giữa các vùng; thể hiện được tính kết nối giữa các vùng trong tỉnh và tính liên kết vùng với các vùng liên huyện, vùng huyện của các tỉnh lân cận.	Tiếp thu, bổ sung tại mục I, Chương 10 của Báo cáo tổng hợp.
18	<i>Về phương án bảo vệ môi trường, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học</i>	
18.1	Xem xét lồng ghép nội dung phát triển bền vững theo xu hướng chuyển đổi xanh dựa trên phát triển nền kinh tế tuần hoàn, kinh tế xanh, kinh tế cac-bon thấp, bảo đảm an ninh môi trường gắn với mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội nhanh và bền vững.	Tiếp thu và bổ sung tại tiêu mục 1.1 (Quan điểm) mục I (Phương án bảo vệ môi trường, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học), Chương 11 của Báo cáo tổng hợp.
18.2	Rà soát, thống nhất các chỉ tiêu về môi trường theo từng giai đoạn cho phù hợp với chỉ tiêu cụ thể như: tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt đô thị được thu gom, xử lý theo quy định, tỷ lệ chất thải nguy hại được thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định; bổ sung mục tiêu tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt đô thị được xử lý bằng công nghệ chôn lấp trực tiếp trên tổng lượng chất thải được thu gom; bổ sung định hướng xử lý tối ưu đối với chất thải nguy hại và chất thải y tế.	Tiếp thu và bổ sung tại tiêu mục 1.2 (Mục tiêu và chỉ tiêu), mục I (Phương án bảo vệ môi trường, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học), Chương 11 của Báo cáo tổng hợp.
18.3	Rà soát, bổ sung thêm các khu vực có yếu tố nhạy cảm về môi trường (khu dân cư tập trung; nguồn nước dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt; đất trồng lúa nước từ 02 vụ trở lên; vùng đất ngập nước quan trọng).	Tiếp thu và bổ sung tại tiêu mục 1.4 (Phương án về phân vùng môi trường theo vùng bảo vệ nghiêm ngặt, vùng hạn chế phát thải và vùng khác đã được định hướng trong quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia), mục I, Chương 11 của Báo cáo tổng hợp
19	<i>Về phương án khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên nước, phòng, chống khắc phục hậu quả do nước gây ra; phương án phòng, chống thiên tai</i>	

Stt	Nội dung thẩm định	Tiếp thu/giải trình
	<i>và ứng phó với biến đổi khí hậu</i>	
19.1	Xác định vị trí, lưu lượng dòng chảy tối thiểu trên sông, suối và luận chứng rõ phương pháp xác định, căn cứ tính toán, để đảm bảo dòng chảy tối thiểu không bị ảnh hưởng bởi chế độ thủy triều theo quy định tại Thông tư số 64/2017/TT-BTNMT ngày 22/12/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường; nghiên cứu bổ sung nội dung về điều tra đánh giá khả năng tiếp nhận nước thải; sức chịu tải của nguồn nước quan trọng; lập hành lang bảo vệ nguồn nước; thực hiện các biện pháp phòng chống sạt lở lòng bờ, bãi sông; khoanh định vùng hạn chế khai thác nước dưới đất; đề xuất các giải pháp cụ thể về ứng phó với biến đổi khí hậu, trong đó lưu ý đánh giá và xây dựng các giải pháp đồng bộ, toàn diện cho khu vực dân cư và tự nhiên của hệ đầm phá Tam Giang - Cầu Hai.	Tiếp thu và bổ sung tại các tiêu mục 6.3.1 thuộc 6.3 (Thực trạng khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên nước; phòng, chống, khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra), mục VI, Chương 2 Báo cáo tổng hợp, cụ thể: Thừa Thiên Huế có 12 vị trí được quy định tại Quyết định số 45/QĐ-BTNMT ngày 12/01/2023.
19.2	Xem xét một số phương án để khắc phục tình trạng lũ lụt, ngập úng của tỉnh; làm rõ hơn các định hướng giải pháp và các dự án ưu tiên để ứng phó với nguy cơ biến đổi khí hậu và nước biển dâng.	Tiếp thu, bổ sung tại tiêu mục 4.3.4.3 (Phương án phòng chống lũ của các tuyến sông có đê), trong đó có nội dung “Mở rộng khẩu độ thoát lũ của hệ thống cầu cống của đường sắt Bắc Nam và đường Quốc lộ 1A thuộc địa phận tỉnh Thừa Thiên Huế” mục IV, Chương 11 của Báo cáo tổng hợp.
19.3	Xem xét bổ sung đề xuất phối hợp giữa tỉnh Thừa Thiên Huế và tỉnh Quảng Trị về phương án quy hoạch các hồ chứa, cống, kênh, trực thuộc lưu vực sông Ô Lâu có ảnh hưởng đến cấp nước, phòng lũ, tiêu, thoát nước trên địa bàn 2 tỉnh.	Tiếp thu, chỉnh sửa tại tiêu mục 4.3.2 (Định hướng phát triển mạng lưới thủy lợi), mục IV, Chương 7 của Báo cáo tổng hợp, cụ thể: - Tưới cấp nước: tại mục tiêu 4.3.2.1 (có nêu giải pháp xây dựng hồ chứa nước Ô Lâu Thượng với dung tích khoảng 80 triệu m ³ , để tạo nguồn chủ động cho trên 5.200 ha canh, liên kết hệ thống kênh để bổ sung nguồn cho hồ Hòa Mỹ; cấp nguồn cho vùng cát Phong Điền và Khu công nghiệp Phong Điền. - Tiêu thoát: Tại tiêu mục 4.3.2.2 (nêu giải pháp tiêu thoát vùng hạ du sông Ô Lâu: Nạo vét mở rộng các trục tiêu sông Ô Giang, Vĩnh Định, Tân Vĩnh Định, các trục tiêu nội đồng và mở rộng đập Cửa Lác để đảm bảo tiêu thoát vùng hạ du sông Ô Lâu)

Stt	Nội dung thẩm định	Tiếp thu/giải trình
		<p>- Phòng chống lũ: Tại mục 4.3.2.3 (nêu giải pháp: Trên sông Ô lâu xây dựng hồ Ô Lâu Thượng nhằm chống lũ tiêu mãn, lũ Hè thu bảo vệ sản xuất cho đồng bằng sông Ô Lâu).</p>
19.4	<p>Xác định nội dung phòng chống thiên tai cần lồng ghép vào quy hoạch theo quy định tại Thông tư số 10/2021/TT-BKHĐT ngày 22/12/2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư để có cơ sở lựa chọn kịch bản phòng, chống thiên tai bảo đảm phù hợp với kịch bản phát triển giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến 2050; rà soát, điều chỉnh tên các loại hình thiên tai cho phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật Đê điều; rà soát phân vùng thiên tai đối với các loại hình thiên tai bão, áp thấp nhiệt đới, lũ, lũ quét, ngập; bổ sung phân vùng với các loại hình thiên tai khác như sạt lở bờ sông, bờ biển,...</p>	<p>Tiếp thu và bổ sung tại tiêu mục 4.1 (Phân vùng rủi ro đối với từng loại hình thiên tai), mục IV, Chương 11 của Báo cáo tổng hợp.</p>
19.5	<p>Về phương án quản lý rủi ro thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu: bổ sung, xây dựng phương án quản lý rủi ro thiên tai phù hợp với từng vùng, từng loại hình thiên tai như bão, áp thấp nhiệt đới, mưa lớn, lũ, ngập lụt, sạt lở; rà soát bảo đảm phòng, chống lũ, ngập lụt đối với các đô thị, khu dân cư tập trung, cơ sở hạ tầng, bảo vệ sản xuất; xác định cụ thể không gian thoát lũ của tuyến sông trên địa bàn, trong đó quy định tần suất thoát lũ đối với dòng chính sông Hương và tần suất chống lũ đối với thành phố Huế đến năm 2030, tầm nhìn đến 2050 là 7%; trên cơ sở đó, đề xuất phương án, giải pháp thực hiện, bao gồm giải pháp công trình, phi công trình.</p>	<p>Tiếp thu và bổ sung tiêu mục 4.3, mục IV, Chương 11 của Báo cáo tổng hợp.</p>
19.6	<p>Về phương án phòng chống lũ của các tuyến sông có đê: Rà soát xác định lũ thiết kế của tuyến sông có đê trên địa bàn, bao gồm lưu lượng lũ thiết kế và mực nước lũ thiết kế cho từng giai đoạn quy hoạch, xác định mực nước báo động để tổ chức hộ đê cho từng tuyến sông có đê; bổ sung các giải pháp kỹ thuật của phương án phòng, chống lũ tuyến sông có đê như: xây dựng hồ chứa nước thượng lưu; trồng rừng phòng hộ đầu nguồn, trồng cây chắn sóng bảo vệ đê; xây dựng tu bổ đê điều; làm thông thoáng dòng chảy; tổ chức quản lý và hộ đê.</p>	<p>Tiếp thu, bổ sung tại tiêu mục 4.3.4 (Xây dựng phương án phòng chống lũ của các tuyến sông có đê), mục IV, Chương 11 của Báo cáo tổng hợp. Cụ thể:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Lưu lượng lũ thiết kế và mực nước lũ thiết kế cho từng giai đoạn quy hoạch vào trong báo cáo. - Về xác định mực nước báo động trên các sông theo Quyết định số: 05/2020/QĐ-TTg ngày 31 tháng 01 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ như sau:

Stt	Nội dung thẩm định	Tiếp thu/giải trình					
		TT	Tên tỉnh	Tên sông	Trạm thủy văn	Mức nước tương ứng với các cấp báo động (m)	
					I	II	III
			Bồ	Phú Ốc	1,5	3,0	4,5
		Huế	Hương	Huế (Kim Long)	1,0	2,0	3,5
			Tả Trạch	Thượng Nhật	59,0	61,0	63,0
		<p>Tiếp thu và giải trình như sau:(1) Đê biển phải bảo đảm chống bão, nước biển dâng theo tiêu chuẩn kỹ thuật về thiết kế đê biển, tương ứng với cấp của tuyến đê. Trong báo cáo đã có nêu các định tiêu chuẩn chống lũ Đối với hệ thống đê biển đảm bảo chống được mực nước triều tần suất P=5%, bão cấp 9, cấp 10 có tính đến nước biển dâng. Đối với các tuyến đê bảo vệ trực tiếp các khu vực dân cư tập trung phải được thiết kế bảo đảm an toàn chống gió bão cấp 12 với mực nước triều trung bình tần suất 5%. (tại mục 4.3.4.2.)</p> <p>(2) Đối với đê sông, đê cửa sông và đê bao phải bảo đảm an toàn ứng với mực nước lũ thiết kế và có giải pháp bảo đảm an toàn đê khi xảy ra lũ lịch sử; không ảnh hưởng đến quy hoạch phòng chống lũ của tuyến sông có đê và cả hệ thống sông: Được nêu tại 4.3.4.3 (Phương án phòng chống lũ của các tuyến sông có đê), mục IV, Chương 11 của Báo cáo tổng hợp.</p>					

Stt	Nội dung thẩm định	Tiếp thu/giải trình
	Xác định không gian thoát lũ bao gồm khu vực lòng sông, bãi sông nằm giữa 2 tuyến đê; xác định cụ thể vị trí, diện tích các khu vực công trình, nhà ở phải di dời; các khu vực bãi sông có nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội và xây dựng công trình, nhà ở mới.	Tiếp thu, bổ sung tại tiểu mục 4.3.4.3 (Phương án phòng chống lũ của các tuyến sông có đê) thuộc 4.3, mục IV, Chương 11 của Báo cáo tổng hợp.
20	<i>Về danh mục dự án và thứ tự ưu tiên thực hiện</i>	
20.1	Bổ sung, làm rõ luận chứng xây dựng danh mục dự án quan trọng của tỉnh; bổ sung tiêu chí ưu tiên đầu tư phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ kết nối các khu vực khó khăn, đặc biệt khó khăn với những khu vực có vai trò động lực của tỉnh.	Tiếp thu, bổ sung tiểu mục 1.1 (Luận chứng, phân loại dự án và thứ tự ưu tiên), mục I Chương 12 của Báo cáo tổng hợp.
20.2	Không đưa vào danh mục các dự án, công trình đã được phê duyệt tại quy hoạch thời kỳ trước và không có sự thay đổi tại quy hoạch thời kỳ sau vì dự án đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo quy hoạch đã được công bố trước ngày Luật Quy hoạch có hiệu lực thì được thực hiện đến hết thời hạn của dự án đó theo quy định của pháp luật có liên quan theo quy định tại khoản 3 Điều 59 Luật Quy hoạch.	Tiếp thu ý kiến góp ý và đã rà soát danh mục các dự án, công trình .
20.3	Rà soát để không đưa tên nhà đầu tư vào danh mục các công trình, dự án trong các phương án phát triển nêu tại các phụ lục kèm theo dự thảo Quyết định và danh mục các dự án ưu tiên đầu tư để bảo đảm phù hợp với quy định của pháp luật về đấu thầu và pháp luật khác có liên quan.	Tiếp thu, rà soát; danh mục dự án ưu tiên chỉ thể hiện tên dự án và địa điểm thực hiện (chi tiết đến cấp huyện).
20.4	Chỉ đưa vào danh mục các dự án cấp tỉnh, thể hiện tính chất liên huyện, bảo đảm tính chất then chốt, đột phá, lan tỏa nhằm thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội theo mục tiêu của quy hoạch để phù hợp với phạm vi quy định tại khoản 1 Điều 27 Luật Quy hoạch; chỉ định hướng phát triển sân golf ở khu vực xác định trên địa bàn tỉnh (chi tiết đến cấp huyện), không liệt kê tên các sân golf gắn với địa danh cụ thể hoặc gắn với nhà đầu tư cụ thể.	Tiếp thu ý kiến và đã rà soát danh mục dự án ưu tiên đầu tư giai đoạn 2021-2030 và đối với các sân golf, chỉ chi tiết vị trí đến cấp huyện, đảm bảo không gắn với nhà đầu tư cụ thể.
20.5	Đối với địa điểm của các phương án phát triển và dự án xem xét chỉ đề cập tới cấp huyện để phù hợp với quy định về mức độ chi tiết của quy hoạch tỉnh tại khoản 1 Điều 27 Luật Quy hoạch; đối với các nội dung về quy mô, công suất của các dự án, công trình thì xem xét chỉ ghi “dự kiến” để bảo đảm tính linh hoạt trong quá trình tổ chức thực hiện quy hoạch tỉnh.	Tiếp thu ý kiến và đã rà soát địa điểm thực hiện dự án trong các Phương án phát triển chỉ chi tiết đến cấp huyện và đối với các dự án có nội dung về quy mô thì đã bổ sung cụm từ “dự kiến”.
20.6	Rà soát danh mục các dự án sử dụng vốn đầu tư công giai đoạn 2021 - 2025 đảm bảo các nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách Nhà nước giai đoạn 2021 - 2025, giai đoạn 2026-2030 theo quy định tại Luật Đầu tư công, Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 ngày 08/7/2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.	Tiếp thu ý kiến và đã rà soát danh mục các dự án sử dụng vốn đầu tư công đảm bảo các nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách Nhà nước giai đoạn 2021 - 2025, giai đoạn 2026-2030 theo quy định tại Luật Đầu tư công.

Stt	Nội dung thẩm định	Tiếp thu/giải trình
20.7	Rà soát, bổ sung các dự án đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn bảo đảm đạt được các mục tiêu quy hoạch đề ra, đặc biệt đối với các dự án đầu tư cơ sở hạ tầng nông nghiệp, dự án đầu tư phát triển sản xuất nông nghiệp tập trung, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao gắn với chế biến nông sản và thị trường tiêu thụ; các dự án về di dời, sắp xếp bảo đảm an toàn dân cư khu vực có nguy cơ cao xảy ra thiên tai bảo đảm phù hợp với các mục tiêu đề ra trong phương án phòng chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu; các công trình phòng chống sạt lở bờ sông, bờ biển; củng cố, nâng cấp bảo đảm an toàn đê điều, hồ chứa.	Tiếp thu ý kiến và đã bổ sung các dự án đầu tư vào Danh mục dự án ưu tiên đầu tư
21	<i>Về giải pháp, nguồn lực thực hiện quy hoạch:</i>	
21.1	Làm rõ các giải pháp huy động từng loại nguồn vốn cho phát triển đồng bộ hệ thống hạ tầng và tính tự chủ của tỉnh trong việc cân đối nguồn vốn để thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ đề ra trong quy hoạch; thể hiện rõ các giải pháp huy động nguồn vốn cho phát triển đồng bộ hệ thống hạ tầng và tính tự chủ của tỉnh Thừa Thiên Huế trong việc cân đối nguồn vốn để thực hiện các nhiệm vụ đề ra	Tiếp thu, bổ sung tại tiêu mục 2.1.1 (giải pháp huy động vốn đầu tư), mục II, Chương 12 của Báo cáo tổng hợp.
21.2	Bổ sung nội dung về giải pháp huy động nguồn lực; giải pháp bảo đảm mức chi ngân sách nhà nước đạt 2% cho khoa học và công nghệ; giải pháp về tiến độ triển khai các dự án đầu tư cho khoa học và công nghệ, hạ tầng khoa học và công nghệ; giải pháp nguồn nhân lực; giải pháp về nghiên cứu, phát triển và chuyển giao công nghệ	
21.3	Bổ sung dự kiến nhu cầu vốn, xác định chi tiết cơ cấu nguồn vốn ngân sách và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác để thực hiện quy hoạch; phân định rõ cơ cấu nguồn vốn, phân kỳ đầu tư theo từng giai đoạn gắn liền với khả năng đảm bảo nguồn lực để thực hiện quy hoạch	
21.4	Xem xét đưa vào một số giải pháp có tính chất “đột phá”, khác biệt để phát triển tỉnh Thừa Thiên Huế.	
22	<i>Về số liệu, dữ liệu trong hồ sơ quy hoạch:</i> rà soát, chỉnh sửa bảo đảm tính thống nhất về các chỉ tiêu, số liệu giữa các tài liệu, trích dẫn nguồn gốc số liệu theo quy định và chịu trách nhiệm về tính chính xác của số liệu, tài liệu, hệ thống sơ đồ, bản đồ và cơ sở dữ liệu trong hồ sơ quy hoạch; rà soát, chỉnh sửa lỗi chính tả trong toàn bộ báo cáo quy hoạch.	Tiếp thu, rà soát, chỉnh sửa, thống nhất số liệu, dữ liệu trong hồ sơ quy hoạch tỉnh.
23	<i>Về hệ thống sơ đồ, bản đồ, cơ sở dữ liệu về quy hoạch</i>	

Stt	Nội dung thẩm định	Tiếp thu/giải trình
23.1	Về hệ thống sơ đồ, bản đồ quy hoạch: Cập nhật, bổ sung, hoàn thiện hệ thống sơ đồ, bản đồ và cơ sở dữ liệu quy hoạch theo quy định tại Nghị định số 58/2023/NĐ-CP ngày 12/8/2023 của Chính phủ và Thông tư số 04/2023/TT-BKHĐT ngày 26/6/2023 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư; rà soát chính xác đường địa giới hành chính các cấp theo Nghị quyết số 834/NQ-UBTVQH14 ngày 17/12/2019 của Ủy ban thường vụ Quốc hội và Nghị Quyết 1264/NQ-UBTVQH14 ngày 27/4/2021 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Lưu ý các bản đồ, sơ đồ thể hiện phạm vi tổng thể của Việt Nam cần phải có hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa. Rà soát các tiêu chuẩn kỹ thuật trình bày bản đồ (hệ toạ độ, múi chiếu, tỷ lệ, nguồn dữ liệu, bản đồ phụ, chú giải phù hợp với nội dung; ranh giới, địa giới, địa danh...) phù hợp với Luật Đo đạc và Bản đồ; rà soát để bảo đảm khớp nội dung dữ liệu bên trong với ranh giới tỉnh	Tiếp thu, rà soát, bổ sung kèm theo Hồ sơ sơ quy hoạch tỉnh .
23.2	Về cơ sở dữ liệu quy hoạch: bổ sung nội dung mô tả việc khai thác, sử dụng cơ sở dữ liệu nền địa lý quốc gia đã được chuẩn hoá, cập nhật trong các nội dung quy hoạch theo yêu cầu của Điều 41 Luật Quy hoạch, Điều 41 và Điều 47 Luật Đo đạc bản đồ; rà soát, bổ sung các lớp dữ liệu còn thiếu thông tin; rà soát, chỉnh sửa một số lỗi về hình học, lỗi của dữ liệu thuộc tính.	Tiếp thu, rà soát, bổ sung kèm theo Hồ sơ sơ quy hoạch tỉnh .
V	<i>Về nội dung đánh giá môi trường chiến lược (ĐMC)</i>	
1	Đề nghị rà soát để đảm bảo tên và nội dung các đề mục trong báo cáo ĐMC theo đúng quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường	Tiếp thu ý kiến, Báo cáo ĐMC đã được rà soát để đảm bảo tên và nội dung các đề mục trong Báo cáo theo đúng quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.
	Bổ sung một số văn bản pháp lý, các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường làm căn cứ xây dựng ĐMC	Tiếp thu, cập nhật trong toàn Báo cáo ĐMC về QCVN 08/2023/ BTNMT và QCVN 05:2023/ BTNMT.
2	Xác định rõ những nội dung nào của quy hoạch có thể làm ảnh hưởng tiêu cực và tích cực đến môi trường	Tiếp thu, bổ sung tại tiêu mục 1.4.1 đến 1.4.6, Chương 1 của Báo cáo đánh giá ĐMC.
	Xác định rõ phạm vi nghiên cứu đánh giá môi trường chiến lược của Quy hoạch tỉnh Thừa Thiên Huế	Tiếp thu, chỉnh sửa tại tiêu mục 2.1, Chương 2 của Báo cáo đánh giá ĐMC.
3	Làm rõ thành phần môi trường, các di sản thiên nhiên, di sản và không gian văn hoá xã hội có khả năng bị tác động bởi quy hoạch	Tiếp thu ý kiến; thành phần di sản thiên nhiên có khả năng bị tác động bởi Quy hoạch đã được đề cập ở Tiêu mục 2.2.2 Di sản thiên nhiên. Mức độ

Stt	Nội dung thẩm định	Tiếp thu/giải trình
		tác động của Quy hoạch lên các di sản thiên nhiên, di sản và không gian văn hóa - xã hội đã được bổ sung ở Tiểu mục 3.4.1. Đánh giá, dự báo xu hướng tích cực và tiêu cực của các vấn đề môi trường chính.
	Bổ sung đánh giá, dự báo đầy đủ tác động của quy hoạch đến biến đổi khí hậu và ngược lại theo quy định tại Thông tư số 01/2022/TT-BTNMT ngày 07/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường	Tiếp thu ý kiến và bổ sung các nội dung đánh giá tác động của biến đổi khí hậu đến các vấn đề môi trường chính trong trường hợp không thực hiện quy hoạch và ngược lại ở Tiểu mục 3.3.3. và 3.4.3. tại Báo cáo đánh giá ĐMC.
4	Rà soát, làm rõ các vấn đề môi trường chính	Tiếp thu ý kiến của Quý chuyên gia, Mục 3.2. Các vấn đề môi trường chính của Báo cáo ĐMC đã được chỉnh sửa bằng cách đưa vấn đề môi trường chính số 2 “Tai biến thiên nhiên có liên quan đến BĐKH, nhất là lũ lụt, bão lốc và sạt lở bờ sông, bờ biển; lũ quét và trượt đất ở miền núi” vào nội dung “Dự báo xu hướng tác động của Quy hoạch đến BĐKH và ngược lại”. Như vậy, Tiểu mục 3.2.2. Lựa chọn các vấn đề môi trường chính, đã còn lại bao gồm 5 vấn đề được sắp xếp theo thứ tự quan trọng như sau: 1) Gia tăng phát sinh chất thải gây suy thoái/ô nhiễm môi trường bao gồm cả môi trường biển; 2) Trữ lượng và chất lượng nước; 3) Bảo tồn thiên nhiên và ĐDSH; 4) Các vấn đề về xã hội (giải tỏa và đền bù, di dời, tái định cư,...); 5) Các vấn đề liên quan đến di sản, di tích.
	Bổ sung tổng hợp kết quả dự báo xu hướng tác động của quy hoạch đối với các các vấn đề môi trường chính; việc lựa chọn các vấn đề môi trường chính cần căn cứ trên diễn biến các thành phần môi trường trong thời gian vừa qua tại địa phương và xu hướng phát triển trong quy hoạch tỉnh; đánh giá, dự báo tác động đến các vấn đề môi trường chính trong trường	Tiếp thu, bổ sung tại tiểu mục 3.2, Chương 3 của Báo cáo ĐMC

Stt	Nội dung thẩm định	Tiếp thu/giải trình
	hợp vẫn thực hiện các quy hoạch trước đây đã được phê duyệt, từ đó đưa ra khuyến nghị đối với việc hoạch định chính sách của tỉnh; nêu rõ diễn biến của các vấn đề môi trường chính; rà soát, phân tích lại các vấn đề liên quan, từ đó xây dựng phương án phát triển các khu xử lý chất thải tập trung trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế về quy mô, công suất, công nghệ xử lý, hạ tầng xử lý chất thải... cho phù hợp	
5	Bổ sung nội dung về “Dự báo tác động của biến đổi khí hậu đến Phương án thực hiện Quy hoạch”; trong phần tác động của thiên tai và biến đổi khí hậu cần xét đến vấn đề gia tăng bão mạnh, nước dâng do bão; đồng thời, cần kiến nghị các giải pháp nhằm giảm tác động đối với các thành phần quan trọng và mang tính lâu bền của quy hoạch, đặc biệt là các biện pháp thích ứng đối với các khu công nghiệp, các công trình vĩnh cửu được quy hoạch trong các khu vực địa hình thấp ven biển, dễ bị ngập sâu do mưa lũ và nước biển dâng	Tiếp thu, bổ sung tại tiểu mục 3.4.3, Chương 3 của Báo cáo ĐMC.
6	Làm rõ kết quả dự báo xu hướng tích cực và tiêu cực của các vấn đề môi trường chính khi thực hiện quy hoạch và cơ sở để đánh giá được mức độ tác động tích cực, tiêu cực của các vấn đề môi trường chính	Tiếp thu, bổ sung tại tiểu mục 3.4.1, Chương 3 của Báo cáo ĐMC.
7	Rà soát các giải pháp, bảo đảm bám sát theo các vấn đề môi trường chính; phân tích cụ thể, chi tiết nội dung của các giải pháp để giảm thiểu xu hướng tiêu cực do việc thực hiện quy hoạch, đặc biệt đối với các ngành, lĩnh vực ưu tiên, các khu vực dễ bị tổn thương dưới tác động của biến đổi khí hậu	Tiếp thu ý kiến của Quý chuyên gia, Báo cáo ĐMC đã được bổ sung nội dung của các giải pháp giảm thiểu xu hướng tiêu cực do việc thực hiện quy hoạch, đặc biệt đối với các ngành, lĩnh vực ưu tiên, các khu vực dễ bị tổn thương dưới tác động của BĐKH ở Tiểu mục 4.1.5. “Các giải pháp ứng phó với BĐKH.
8	Bổ sung, làm rõ các đề xuất, kiến nghị cụ thể từ quá trình ĐMC để điều chỉnh các nội dung của Quy hoạch tỉnh Thừa Thiên Huế; những vấn đề môi trường cần được tiếp tục nghiên cứu trong quá trình thực hiện quy hoạch tỉnh.	Tiếp thu ý kiến, Báo cáo ĐMC đã được bổ sung ở phần Kết luận, Kiến nghị và Cam kết về các đề xuất, kiến nghị cụ thể từ quá trình ĐMC để điều chỉnh các nội dung của Quy hoạch tỉnh và những vấn đề môi trường cần được tiếp tục nghiên cứu trong quá trình thực hiện quy hoạch tỉnh.
VI	<i>Về dự thảo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy hoạch tỉnh Thừa Thiên Huế thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050</i>	
1	Rà soát, hoàn thiện dự thảo Quyết định phê duyệt của Thủ tướng Chính phủ trên cơ sở hoàn thiện báo cáo Quy hoạch; rà soát, biên tập để đảm bảo thể hiện đầy đủ các phương án quy hoạch đã được nêu trong báo cáo quy hoạch.	Tiếp thu, rà soát, hoàn thiện dự thảo Quyết định đảm bảo thể hiện đầy đủ các phương án quy hoạch đã được nêu trong báo cáo quy hoạch.